

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2017/QĐ-UBND

An Giang, ngày 09 tháng 3 năm 2017.

LONG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Giờ: ... 8
Ngày: 10/3/17

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về trình tự, thủ tục

giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật được Quốc hội thông qua ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Tiếp công dân được Quốc hội thông qua ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 82/TTr-STNMT ngày 27 tháng 02 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang và biểu mẫu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 21/2012/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc ban hành quy định giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chánh Thanh tra tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- Website Chính phủ;
- Thanh tra Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Cục Kiểm soát TTHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- UBND xã, phường, thị trấn (qua email);
- Trung tâm Công báo của tỉnh;
- Ban Tiếp công dân của tỉnh;
- Phòng NC, KTN;
- Lưu: VT.



[Handwritten signature]
Vương Bình Thạnh

QUY ĐỊNH

**Về trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai
trên địa bàn tỉnh An Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND
ngày 09 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang mà các bên tranh chấp không có Giấy chứng nhận hoặc không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013 (gọi tắt là Luật Đất đai), Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (gọi tắt là Nghị định 43/2014/NĐ-CP), Khoản 16 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai (gọi tắt Nghị định 01/2017/NĐ-CP) và trường hợp đương sự lựa chọn giải quyết tranh chấp tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 203 của Luật Đất đai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tranh chấp đất đai, tiếp nhận hồ sơ tranh chấp đất đai, giải quyết tranh chấp đất đai, khiếu nại về giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Người tranh chấp đất đai* là cá nhân, người đại diện hợp pháp cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

2. *Người bị tranh chấp đất đai* là cá nhân, người đại diện hợp pháp cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang quản lý phần đất có tranh chấp.

3. *Các bên tranh chấp* là người tranh chấp đất đai, người bị tranh chấp đất đai theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

4. *Rút tranh chấp đất đai* là việc người tranh chấp có đơn đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tranh chấp chấm dứt giải quyết việc tranh chấp đất đai của mình.

5. *Tình tiết mới* là những tình tiết chưa được thể hiện trong hồ sơ thụ lý trước đây hoặc trong các quyết định đã ban hành, những tình tiết có giá trị làm thay đổi tính chất vụ việc và ảnh hưởng quan trọng đến kết quả đã giải quyết.

6. *Vụ việc phức tạp* là vụ việc chưa được quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về Đất đai hoặc còn nhiều quan điểm khác nhau, cần phải căn cứ vào các quy định pháp luật khác có liên quan để giải quyết.

7. *Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai* là quyết định hành chính do người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ban hành theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định để giải quyết các tranh chấp đất đai.

8. *Quyết định công nhận hòa giải thành* là quyết định hành chính do người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ban hành theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định để công nhận các thỏa thuận đã đạt được giữa các bên tranh chấp trong quá trình giải quyết tranh chấp đất đai.

9. *Người phải chấp hành* là tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và người có liên quan phải chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành.

10. *Thời hạn thi hành quyết định* là khoảng thời gian mà các bên tranh chấp và đối tượng liên quan có nghĩa vụ phải chấp hành và thực hiện các nội dung của quyết định có hiệu lực pháp luật.

11. *Tự nguyện thi hành quyết định* là trong thời hạn thi hành quyết định, cá nhân, tổ chức và các đối tượng liên quan chấp nhận thi hành các nội dung của quyết định có hiệu lực pháp luật.

12. *Thỏa thuận thi hành quyết định đối với quyết định giải quyết tranh chấp đất đai* là việc các bên có trách nhiệm phải chấp hành quyết định có hiệu lực pháp luật cùng thống nhất các nội dung phải thi hành trên cơ sở tự nguyện của các bên; nội dung thỏa thuận phải phù hợp với nội dung nêu tại quyết định cần thi hành; trường hợp nội dung thỏa thuận không phù hợp với nội dung nêu tại quyết định nhưng không trái với quy định của pháp luật.

13. *Tạm đình chỉ thi hành quyết định* là việc tạm ngưng thi hành quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Việc tạm đình chỉ sẽ được chấm dứt đến khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

14. *Đình chỉ thi hành quyết định* là việc chấm dứt thi hành quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của người tranh chấp đất đai, người bị tranh chấp đất đai, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

1. Quyền, nghĩa vụ của người tranh chấp đất đai:

a) Người tranh chấp có các quyền sau đây:

- Tự mình gửi đơn đến cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết;

- Trường hợp người bị tranh chấp ốm đau, già yếu, có nhược điểm về thể chất hoặc vì lý do khách quan khác mà không thể tự mình tham gia giải quyết tranh chấp thì ủy quyền cho cha, mẹ, vợ, chồng, anh, chị, em ruột, con đã thành niên hoặc người khác có năng lực hành vi dân sự đầy đủ để thực hiện việc giải quyết tranh chấp hoặc ủy quyền cho người khác gửi đơn tranh chấp đến cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết;

- Nhờ luật sư tư vấn về pháp luật để tranh chấp;

- Trường hợp người tranh chấp là người được trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật thì được nhờ trợ giúp viên pháp lý tư vấn về pháp luật hoặc ủy quyền cho trợ giúp viên pháp lý tham gia tranh chấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình;

- Được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp đã bị xâm phạm;

- Thỏa thuận giải quyết tranh chấp đất đai với người bị tranh chấp ở tất cả các cấp theo quy định pháp luật;

- Rút tranh chấp đất đai;

- Nhận văn bản trả lời về việc thụ lý giải quyết tranh chấp, nhận quyết định giải quyết tranh chấp.

b) Người tranh chấp có các nghĩa vụ sau đây:

- Gửi đơn tranh chấp đến đúng cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết;

- Đưa ra chứng cứ về việc tranh chấp và phải giải trình về chứng cứ đó;
- Trình bày trung thực sự việc, đưa ra chứng cứ về tính đúng đắn, hợp lý của việc tranh chấp; cung cấp thông tin, tài liệu liên quan cho người giải quyết tranh chấp; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung trình bày và việc cung cấp thông tin, tài liệu đó;
- Tham gia đối thoại hoặc có thể ủy quyền cho người đại diện hợp pháp;
- Chấp hành nghiêm chỉnh theo giấy mời của cơ quan giải quyết, cơ quan tham mưu và quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực pháp luật, các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;
- Trường hợp người tranh chấp thông qua người đại diện theo pháp luật thì phải cung cấp giấy ủy quyền.

2. Quyền, nghĩa vụ của người bị tranh chấp:

a) Người bị tranh chấp có các quyền sau đây:

- Đưa ra chứng cứ về tính hợp pháp của việc tranh chấp;
- Trường hợp người bị tranh chấp ốm đau, già yếu, có nhược điểm về thể chất hoặc vì lý do khách quan khác mà không thể tự mình tham gia giải quyết tranh chấp thì ủy quyền cho cha, mẹ, vợ, chồng, anh, chị, em ruột, con đã thành niên hoặc người khác có năng lực hành vi dân sự đầy đủ để tham gia;
- Nhờ luật sư tư vấn về pháp luật để giải quyết tranh chấp;
- Trường hợp người bị tranh chấp là đối tượng được trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật thì được nhờ trợ giúp viên pháp lý tư vấn về pháp luật hoặc ủy quyền cho trợ giúp viên pháp lý tham gia giải quyết tranh chấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình;

- Tham gia đối thoại hoặc có thể ủy quyền cho người đại diện hợp pháp;
- Nhận quyết định giải quyết tranh chấp đất đai;
- Được khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp đã bị xâm phạm.

b) Người bị tranh chấp có các nghĩa vụ sau đây:

- Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tranh chấp, giải trình về tính hợp pháp, đúng đắn của việc bị tranh chấp khi người giải quyết tranh chấp hoặc cơ quan tham mưu giải quyết kiểm tra, xác minh yêu cầu trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày có yêu cầu;
- Tham gia đối thoại hoặc ủy quyền cho người đại diện hợp pháp khi có yêu cầu của người giải quyết tranh chấp;

- Chấp hành nghiêm chỉnh theo giấy mời của cơ quan giải quyết, cơ quan tham mưu và quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã có hiệu lực pháp luật, các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;

- Trường hợp người bị tranh chấp, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thông qua người đại diện theo pháp luật thì phải cung cấp giấy ủy quyền.

3. Trường hợp người tranh chấp hoặc người bị tranh chấp có lý do chính đáng không đến được theo giấy mời thì phải được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) nơi cư trú xác nhận rõ lý do hoặc phải có giấy tờ hợp pháp thể hiện rõ vào ngày được mời làm việc người tranh chấp hoặc người bị tranh chấp không thể có mặt theo giấy mời.

4. Quyền, nghĩa vụ của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến tranh chấp được áp dụng như các quyền và nghĩa vụ như người bị tranh chấp được quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

5. Xử lý các trường hợp người tranh chấp và người bị tranh chấp không có mặt theo giấy mời của cơ quan có thẩm quyền hòa giải, cơ quan tham mưu giải quyết, người có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai:

a) Đối với người tranh chấp:

Nếu đã nhận giấy mời hợp lệ lần hai mà không đến thì cơ quan thụ lý có quyền xếp hồ sơ, không tiếp tục xem xét giải quyết và thông báo cho người tranh chấp, người bị tranh chấp và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan biết.

b) Đối với người bị tranh chấp, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Nếu đã nhận giấy mời hợp lệ lần hai mà vẫn vắng mặt thì cơ quan tham mưu giải quyết tranh chấp có quyền đề xuất hướng giải quyết, trên cơ sở hồ sơ hiện có đã được thẩm tra, xác minh phù hợp với các quy định của pháp luật; trường hợp này người bị tranh chấp, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan xem như từ bỏ các quyền của mình theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều này.

Chương II

THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN, XỬ LÝ ĐƠN VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI

Điều 5. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai

1. Tranh chấp đất đai mà các bên tranh chấp không có Giấy chứng nhận hoặc không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật Đất đai,

Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP đã được Ủy ban nhân dân cấp xã hòa giải không thành mà một trong các bên tranh chấp có đơn yêu cầu được giải quyết tranh chấp đất đai tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giải quyết:

a) Thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai lần đầu:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư với nhau; nếu một hoặc các bên tranh chấp không đồng ý với quyết định giải quyết thì có quyền gửi đơn đề nghị giải quyết tranh chấp đất đai lần hai đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc khởi kiện tại Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính;

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết tranh chấp đất đai mà một bên tranh chấp là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; nếu một hoặc các bên tranh chấp không đồng ý với quyết định giải quyết thì có quyền gửi đơn đề nghị giải quyết tranh chấp lần hai đến Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hoặc khởi kiện tại Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật về tố tụng hành chính.

b) Thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai lần hai:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết các trường hợp tranh chấp đất đai đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết nhưng một hoặc các bên tranh chấp không đồng ý với quyết định giải quyết mà gửi đơn đề nghị giải quyết tranh chấp lần hai đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Người có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải ban hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.

Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực thi hành phải được các bên tranh chấp nghiêm chỉnh chấp hành. Trường hợp các bên không chấp hành sẽ bị cưỡng chế thi hành.

3. Giao nhiệm vụ phối hợp giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp giải quyết tranh chấp đất đai:

- Ban Tiếp công dân tiếp nhận và thụ lý đơn tranh chấp đất đai;

- Cơ quan Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tham mưu giải quyết cho Ủy ban nhân dân cùng cấp qua việc thực hiện nhiệm vụ thẩm tra, xác minh và đề xuất phương án giải quyết.

Điều 6. Tiếp nhận và xử lý đơn

1. Tiếp nhận đơn:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp, tiếp nhận đơn tranh chấp về đất đai, ra biên nhận giao cho người có đơn tranh chấp và tổ chức hòa giải với các bên tranh chấp theo Điều 13, Điều 14 và Điều 15 quy định này;

b) Ban Tiếp công dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là Ban Tiếp công dân cấp huyện) tiếp nhận đơn tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 5 quy định này;

c) Ban Tiếp công dân tỉnh tiếp nhận đơn tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại điểm a, điểm b Khoản 1 Điều 5 quy định này.

2. Xử lý đơn:

a) Đối với đơn đủ điều kiện: Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận, Ban Tiếp công dân theo quy định tại điểm b, điểm c Khoản 1 Điều này có trách nhiệm ban hành thông báo thụ lý bằng văn bản cho người có đơn tranh chấp, người bị tranh chấp và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tranh chấp đất đai, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất, đồng thời chuyển đơn cho cơ quan Tài nguyên và Môi trường cùng cấp.

b) Đối với đơn không đủ điều kiện nhận:

- Trường hợp người tranh chấp chưa cung cấp đầy đủ các tài liệu kèm theo gồm: Biên bản hòa giải không thành, bản sao các quyết định trong trường hợp tranh chấp đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết, thì Công chức được giao nhiệm vụ tiếp công dân của Ban Tiếp công dân yêu cầu người tranh chấp bổ sung đầy đủ, sau đó mới tiếp nhận đơn. Thời hạn yêu cầu người tranh chấp cung cấp bổ sung các tài liệu là 07 (bảy) ngày, hết thời hạn nếu người tranh chấp không bổ sung tài liệu theo yêu cầu thì Ban tiếp công dân ban hành phiếu trả đơn không đủ điều kiện thụ lý. Việc yêu cầu người tranh chấp bổ sung tài liệu dù là nộp đơn trực tiếp hay gửi qua đường bưu điện thì chỉ hướng dẫn một lần bằng văn bản;

- Trường hợp nhiều người có chung quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất mà tranh chấp với một người thì yêu cầu cử người đại diện theo quy định pháp luật để tranh chấp;

- Trường hợp một người tranh chấp với nhiều người thì phải làm đơn tranh chấp với từng người bị tranh chấp có liên quan;

- Đối với đơn vừa tranh chấp đất đai vừa khiếu nại đất đai thì hướng dẫn người tranh chấp viết lại đơn tranh chấp đất đai.

c) Trường hợp đơn không đúng thẩm quyền gửi qua đường bưu điện thì Ban Tiếp công dân hướng dẫn hoặc thông báo bằng văn bản cho người gửi đơn biết nơi có thẩm quyền giải quyết (chỉ hướng dẫn 01 lần);

d) Trường hợp không thụ lý giải quyết thì Ban Tiếp công dân thông báo bằng văn bản cho người gửi đơn biết lý do. Nếu người gửi đơn khiếu nại thông báo đến Ban tiếp công dân huyện, tỉnh thì việc giải quyết khiếu nại thông báo thực hiện theo quy định của Luật Khiếu nại;

đ) Đơn tranh chấp do cơ quan, tổ chức và người có thẩm quyền chuyển đến, nếu thuộc thẩm quyền giải quyết thì thụ lý giải quyết và thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã chuyển đơn đến biết; nếu đơn tranh chấp không thuộc thẩm quyền giải quyết thì gửi trả lại đơn kèm theo thông báo bằng văn bản có nêu lý do cụ thể cho cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đã chuyển đơn biết.

3. Yêu cầu điều kiện về tiếp nhận đơn tranh chấp và tài liệu liên quan:

a) Đơn tranh chấp đất đai phải do người tranh chấp ký tên hoặc điểm chỉ và thể hiện các nội dung: Ngày, tháng, năm tranh chấp; tên, địa chỉ của người tranh chấp; tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân bị tranh chấp; diện tích, vị trí đất tranh chấp; nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đang tranh chấp; nội dung, lý do tranh chấp và yêu cầu giải quyết của người tranh chấp.

b) Các tài liệu đính kèm chứng minh nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của người tranh chấp đối với đất đang tranh chấp:

- Tài liệu do người tranh chấp cung cấp phải là tài liệu có liên quan đến nguồn gốc, quá trình sử dụng khu đất tranh chấp;

- Khi người tranh chấp cung cấp các bản sao chụp tài liệu có liên quan đến khu đất tranh chấp, cán bộ tiếp nhận đơn phải đối chiếu với bản chính và ký xác nhận vào các tài liệu là “đã xem và đối chiếu đúng với bản chính”.

Điều 7. Điều kiện để được thụ lý giải quyết tranh chấp đất đai

1. Người tranh chấp đất đai yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai phải có căn cứ chứng minh về nguồn gốc và quá trình sử dụng của mình có liên quan trực tiếp đến phần đất tranh chấp;

2. Người có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

3. Việc tranh chấp đất đai phải còn trong thời hiệu giải quyết;

4. Việc tranh chấp đất đai chưa được Tòa án nhân dân thụ lý giải quyết.

Điều 8. Rút tranh chấp đất đai

1. Người tranh chấp đất đai có thể rút tranh chấp tại bất cứ thời điểm nào trong quá trình giải quyết tranh chấp:

a) Việc rút tranh chấp phải tự nguyện, thể hiện qua đơn gửi đến người có thẩm quyền giải quyết, đơn phải có chữ ký hoặc điểm chỉ của người tranh chấp;

b) Trong quá trình giải quyết, nếu người tranh chấp có đơn xin rút tranh chấp thì người có trách nhiệm xác minh phải lập biên bản về nội dung xin rút tranh chấp; đồng thời, đề xuất cho thủ trưởng cơ quan tham mưu giải quyết báo cáo đến người có thẩm quyền giải quyết tranh chấp để ban hành quyết định đình chỉ theo Khoản 2 Điều này.

2. Người có thẩm quyền giải quyết khi nhận được báo cáo đề xuất của cơ quan tham mưu giải quyết về việc rút tranh chấp thì phải ban hành quyết định đình chỉ giải quyết tranh chấp đất đai. Quyết định khi ban hành phải được gửi cho các bên tranh chấp và cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan.

3. Trường hợp rút đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp ở giai đoạn chưa có quyết định giải quyết thì xem như đất đó không có tranh chấp. Trường hợp rút đơn khiếu nại quyết định giải quyết tranh chấp đất đai mà trong thời hạn pháp luật quy định các bên không có đơn khởi kiện thì quyết định giải quyết tranh chấp đất đai phải được tổ chức thi hành.

Chương III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI

Điều 9. Trách nhiệm hòa giải

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai tại địa bàn quản lý; hướng dẫn, giúp đỡ, động viên các bên đạt được thỏa thuận nhằm chấm dứt tranh chấp.

Điều 10. Nguyên tắc hòa giải

1. Việc hòa giải tranh chấp đất đai được thực hiện khi các bên tranh chấp không tự hòa giải được và một trong các bên gửi đơn đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp để hòa giải.

2. Việc hòa giải phải bảo đảm:

a) Phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, đạo đức xã hội và điều kiện thực tiễn tại địa phương;

b) Không bắt buộc, áp đặt ý chí của các bên tranh chấp trong quá trình giải quyết; đồng thời, tôn trọng sự tự nguyện của các bên tranh chấp;

c) Khi xem xét sự việc phải khách quan, công tâm, có lý, có tình; tôn trọng quyền, lợi ích hợp pháp của người khác, không xâm phạm lợi ích Nhà nước, lợi ích cộng đồng;

d) Chủ động, kiên trì nhằm ngăn chặn kịp thời hành vi vi phạm pháp luật, hạn chế phát sinh những hậu quả xấu khác có thể xảy ra.

3. Không tiến hành hòa giải khi tranh chấp phát sinh các hành vi vi phạm pháp luật về đất đai mà theo quy định của pháp luật phải bị xử lý hành chính hoặc hình sự.

Điều 11. Trình tự, thủ tục hòa giải

1. Việc hòa giải tranh chấp đất đai thực hiện theo quy định tại Điều 202 Luật Đất đai, Điều 88 Nghị định 43/2014/NĐ-CP và Khoản 57 Điều 2 Nghị định 01/2017/NĐ-CP.

2. Trường hợp một trong các bên tranh chấp vắng mặt, thì cán bộ hòa giải lập biên bản về sự vắng mặt; đồng thời xác định thời gian để tổ chức lại việc hòa giải; biên bản phải ghi rõ việc vắng mặt có hoặc không có lý do và phải có chữ ký của các thành viên tham gia buổi hòa giải.

Trường hợp một trong các bên tranh chấp vắng mặt đến lần thứ hai thì được xem là hòa giải không thành.

3. Trường hợp cần phải lập sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp thì Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai cấp huyện thực hiện. Chi phí lập sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp do người tranh chấp có nghĩa vụ chi trả.

Điều 12. Trách nhiệm của Hội đồng hòa giải sau khi hòa giải

1. Sao gửi biên bản hòa giải cho các bên tranh chấp.

2. Lập và lưu trữ hồ sơ để thực hiện các công việc tiếp theo; các tài liệu có trong hồ sơ phải được sắp xếp theo thứ tự thời gian, ghi số bút lục và lập bảng kê chi tiết.

3. Hướng dẫn các bên tranh chấp thực hiện những nội dung sau:

a) Trường hợp hòa giải không thành hoặc sau khi hòa giải thành mà có ít nhất một trong các bên thay đổi ý kiến về kết quả hòa giải thì Ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản hòa giải không thành, ban hành thông báo hòa giải không thành (hoặc báo cáo kết quả hòa giải không thành cho Tòa án nhân dân khi có yêu cầu). Thông báo hòa giải không thành phải thể hiện quan điểm, ý kiến của Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai; đồng thời hướng dẫn các bên tranh chấp gửi đơn đến Ủy ban nhân dân hoặc Tòa án nhân dân là cơ quan có thẩm quyền giải quyết tiếp theo.

Sau thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày thông báo hòa giải không thành mà người tranh chấp không nộp đơn đến cơ quan có thẩm quyền để giải quyết thì vụ việc tranh chấp đất đai được xem như kết thúc.

b) Trường hợp hòa giải thành thì trình Ủy ban nhân dân cấp xã ký hồ sơ gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường theo thẩm quyền giải tranh chấp đất đai lần đầu quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 5 quy định này. Trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản hòa giải thành, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cùng cấp ký ban hành quyết định về việc công nhận hòa giải thành.

4. Việc thực hiện kết quả hòa giải thành theo quy định tại Điều này được áp dụng tương tự trong các giai đoạn giải quyết tranh chấp đất đai của Quy định này.

Điều 13. Thời hạn hòa giải

1. Thời hạn hòa giải tranh chấp đất đai tại Ủy ban nhân dân cấp xã là không quá 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai.

2. Đối với những vụ việc phức tạp, nếu người chủ trì cuộc hòa giải xét thấy khả năng có thể hòa giải thành thì cho phép kéo dài thời hạn hòa giải so với quy định tại Khoản 1 Điều này, nhưng thời gian kéo dài thêm không quá 15 (mười lăm) ngày. Hết thời hạn này nhưng vẫn chưa hòa giải thành, thì Ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản hòa giải không thành, hướng dẫn các bên tranh chấp gửi đơn đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết và ban hành thông báo hòa giải không thành theo quy định.

Điều 14. Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Nhiệm vụ của Phòng Tài nguyên và Môi trường.

a) Trong thời hạn 03 (ba) ngày, kể từ ngày nhận được Văn bản chuyển đơn của Ban tiếp công dân cấp huyện, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường phải ban hành quyết định phân công nhiệm vụ xác minh cho người có trách nhiệm xác minh;

b) Người được giao nhiệm vụ xác minh phải tiến hành làm việc với người tranh chấp, người bị tranh chấp, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để thu thập tài liệu, chứng cứ hoặc đề nghị đo đạc, trung cầu giám định:

- Có văn bản đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu hoặc trung cầu giám định; văn bản đề nghị phải ghi rõ thông tin, nội dung yêu cầu, thời hạn cung cấp; trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được văn bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải cung cấp đầy đủ các nội dung theo yêu cầu. Trường hợp không thể cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ phải có văn bản trả lời;

- Khi làm việc với người tranh chấp, người bị tranh chấp, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan người được giao nhiệm vụ xác minh phải lập biên bản thể hiện: thời gian, địa điểm, thành phần làm việc, nội dung, kết quả làm việc, ý kiến của những người tham gia;

- Khi tiếp nhận thông tin, tài liệu, chứng cứ do các bên tranh chấp hoặc người đại diện các bên tranh chấp, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp trực tiếp thì người được giao nhiệm vụ xác minh phải ghi nhận trong biên bản làm việc;

- Hết thời hạn phân công thụ lý, người được giao nhiệm vụ xác minh phải có báo cáo kết quả xác minh cho Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường.

c) Khi cần thiết Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản đến các cơ quan có liên quan để được tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai. Các cơ quan có liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện khi ngành Tài nguyên và Môi trường có yêu cầu;

d) Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm báo cáo nội dung, kết quả xác minh, đối chiếu quy định pháp luật và kiến nghị hướng giải quyết trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét ban hành quyết định giải quyết tranh chấp.

2. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

a) Trong quá trình giải quyết tranh chấp đất đai, nếu yêu cầu của các bên tranh chấp và kết quả xác minh có một số nội dung tranh chấp còn khác nhau thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức đối thoại với các bên tranh chấp, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để làm rõ nội dung tranh chấp và hướng

giải quyết tranh chấp. Việc đối thoại được thực hiện theo quy định tại Điều 16 của Quy định này;

b) Ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai hoặc Quyết định công nhận hòa giải thành. Quyết định ban hành phải bảo đảm đúng trình tự, thủ tục quy định và sau khi ban hành phải được gửi đến các bên tranh chấp, tổ chức, cá nhân có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Trường hợp, trong quá trình giải quyết, nếu hòa giải thành mà nội dung hòa giải làm thay đổi hiện trạng sử dụng đất hoặc cần có thời gian để các bên tranh chấp thực hiện quyết định thì Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường báo cáo đề xuất trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định công nhận nội dung thỏa thuận của các bên tranh chấp; quyết định này có hiệu lực thi hành.

3. Thời hạn giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện là không quá 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày ra thông báo thụ lý. Nếu phát sinh yêu cầu đo đạc, trưng cầu giám định thì thời gian giải quyết được kéo dài thêm nhưng không quá 15 (mười lăm) ngày.

Điều 15. Trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Nhiệm vụ của Sở Tài nguyên và Môi trường.

a) Trong thời hạn 03 (ba) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản chuyển đơn của Ban tiếp công dân tỉnh phân công cho Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu giải quyết, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành quyết định phân công nhiệm vụ xác minh cho người có trách nhiệm xác minh;

b) Người được giao nhiệm vụ xác minh phải tiến hành làm việc với người tranh chấp, người bị tranh chấp, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để thu thập tài liệu, chứng cứ hoặc đề nghị đo đạc, trưng cầu giám định:

- Có văn bản đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu hoặc trưng cầu giám định; văn bản đề nghị phải ghi rõ thông tin, nội dung yêu cầu, thời hạn cung cấp; trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được văn bản, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các nội dung theo yêu cầu. Trường hợp không thể cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ phải có văn bản trả lời;

- Khi làm việc với người tranh chấp, người bị tranh chấp, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, người được giao nhiệm vụ xác minh phải lập biên bản

thể hiện: thời gian, địa điểm, thành phần làm việc, nội dung, kết quả làm việc, ý kiến của những người tham gia;

- Khi tiếp nhận thông tin, tài liệu, chứng cứ do các bên tranh chấp hoặc người đại diện các bên tranh chấp, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp trực tiếp thì người được giao nhiệm vụ xác minh phải ghi nhận trong biên bản làm việc;

- Hết thời gian phân công thụ lý, người được giao nhiệm vụ xác minh phải có báo cáo kết quả xác minh cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

c) Khi cần thiết Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản đến các cơ quan có liên quan để được tư vấn giải quyết tranh chấp đất đai. Các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm phối hợp thực hiện khi ngành Tài nguyên và Môi trường yêu cầu;

d) Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm báo cáo nội dung, kết quả xác minh, đối chiếu quy định pháp luật và kiến nghị hướng giải quyết trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét như sau:

- Đối với giải quyết tranh chấp lần đầu: Trong quá trình giải quyết tranh chấp đất đai, nếu yêu cầu của các bên tranh chấp và kết quả xác minh có một số nội dung tranh chấp còn khác nhau thì báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức đối thoại với các bên tranh chấp, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để làm rõ nội dung tranh chấp và hướng giải quyết tranh chấp. Sau khi đối thoại, lập tờ trình kèm theo dự thảo quyết định giải quyết tranh chấp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ban hành.

- Đối với giải quyết tranh chấp đất đai lần hai: Sau khi thẩm tra xác minh, xét thấy quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết:

+ Nếu đúng quy định pháp luật thì báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối thoại với người tranh chấp; sau khi đối thoại lập tờ trình kèm theo dự thảo quyết định giải quyết tranh chấp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét ban hành công nhận quyết định giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

+ Nếu chưa phù hợp quy định pháp luật và yêu cầu của người tranh chấp là có cơ sở hoặc có tình tiết mới thì Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường làm việc với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Trường hợp thống nhất sửa đổi quyết định thì lập tờ trình kèm theo dự thảo quyết định giải quyết tranh chấp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký ban hành;

Trường hợp không thống nhất sửa đổi quyết định hoặc vụ việc phức tạp thì Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tham khảo ý kiến các cơ quan có liên quan giải quyết tranh chấp đất đai cấp tỉnh. Sở Tài nguyên và Môi trường đăng ký thông qua hồ sơ giải quyết tranh chấp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trước khi ban hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức đối thoại với các bên tranh chấp, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu cần thiết) để làm rõ nội dung tranh chấp và hướng giải quyết tranh chấp.

2. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Tổ chức đối thoại với các bên tranh chấp và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu cần thiết). Việc đối thoại được thực hiện theo quy định tại Điều 16 của Quy định này;

b) Ban hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai. Quyết định ban hành phải bảo đảm đúng trình tự, thủ tục quy định, sau khi ban hành phải được gửi đến các bên tranh chấp, tổ chức, cá nhân có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Đối với quyết định giải quyết tranh chấp đất đai lần hai phải kết luận nội dung tranh chấp là đúng, đúng một phần hoặc sai toàn bộ. Trường hợp nội dung tranh chấp là đúng hoặc đúng một phần thì ban hành quyết định sửa đổi, hủy bỏ một phần hay toàn bộ quyết định giải quyết tranh chấp đất đai lần đầu. Trường hợp kết luận nội dung tranh chấp là sai toàn bộ thì ban hành quyết định công nhận và giữ nguyên nội dung quyết định giải quyết tranh chấp lần đầu; bác yêu cầu của người tranh chấp.

3. Thời hạn giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là không quá 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày ra thông báo thụ lý. Nếu phát sinh yêu cầu đo đạc, trưng cầu giám định thì thời gian giải quyết được kéo dài thêm nhưng không quá 15 (mười lăm) ngày.

Điều 16. Trình tự thủ tục tổ chức đối thoại

1. Việc đối thoại trong quá trình giải quyết tranh chấp đất đai phải được tiến hành công khai, dân chủ và lập thành biên bản.

2. Quy trình tổ chức đối thoại:

a) Hồ sơ tranh chấp được đưa ra đối thoại phải hoàn thành xong giai đoạn thẩm tra xác minh;

b) Báo cáo kết quả xác minh đã được thủ trưởng cơ quan tham mưu giải quyết có ý kiến;

c) Tùy theo tính chất vụ việc, người chủ trì đối thoại có thể yêu cầu cơ quan tham mưu giải quyết báo cáo kết quả xác minh để thống nhất nội dung đối thoại và phương án giải quyết.

3. Thành phần tham dự đối thoại, tùy theo tính chất vụ việc trong đó:

a) Thành phần bắt buộc: Người tranh chấp hoặc người đại diện theo ủy quyền của người tranh chấp, cơ quan tham mưu giải quyết tranh chấp đất đai, Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất tranh chấp (trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết);

b) Ngoài ra, xét thấy cần thiết có thể mời cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan, các tổ chức đoàn thể, một số hộ cư trú lâu năm tại địa phương có hiểu biết lịch sử thửa đất bị tranh chấp, người bị tranh chấp, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tham gia đối thoại.

4. Địa điểm đối thoại:

Địa điểm đối thoại có thể bố trí tại trụ sở Tiếp công dân hoặc địa điểm khác nhưng phải bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất và đi lại thuận tiện.

5. Cơ quan tham mưu giải quyết lập danh sách thành phần tham dự đối thoại và lập biên bản đối thoại: Biên bản đối thoại phải thể hiện đầy đủ ý kiến của các bên tranh chấp, người có quyền và nghĩa vụ liên quan (nếu có); đại diện các cơ quan tham gia buổi đối thoại; ý kiến kết luận của người chủ trì đối thoại; Biên bản đối thoại phải có chữ ký và điểm chỉ hai ngón trỏ (trường hợp không có ngón trỏ thì điểm chỉ ngón bất kỳ, nhưng phải ghi rõ tên ngón điểm chỉ) của các bên tranh chấp và nghĩa vụ liên quan trên tất cả các tờ biên bản.

Trường hợp kết thúc đối thoại mà một trong các bên tranh chấp không đồng ý ký tên, điểm chỉ vào biên bản thì người ghi biên bản phải ghi rõ lý do; trường hợp này vẫn được sử dụng tương tự như những biên bản đối thoại có chữ ký và điểm chỉ của các bên tranh chấp.

6. Tiến hành đối thoại:

a) Cơ quan tham mưu giải quyết giới thiệu thành phần tham dự đối thoại, tư cách tham dự của người tranh chấp, người bị tranh chấp hoặc người có quyền và nghĩa vụ liên quan (nếu có), cơ quan, tổ chức có liên quan; nội quy đối thoại, phương thức đối thoại đảm bảo hiệu quả, đúng quy định;

b) Đại diện cơ quan Tài nguyên và Môi trường trình bày báo cáo kết quả xác minh. Nêu ngắn gọn những yêu cầu của người tranh chấp và nội dung xác minh, đối chiếu quy định pháp luật để làm rõ các yêu cầu đó;

c) Ý kiến trình bày của các bên tranh chấp (hoặc người đại diện theo ủy quyền), hoặc người có quyền và nghĩa vụ liên quan; ý kiến phát biểu của các cơ quan, ban ngành, cá nhân tham gia buổi đối thoại.

7. Kết thúc đối thoại:

a) Sau khi nghe những người tham dự đối thoại trình bày ý kiến, người chủ trì đối thoại đánh giá các chứng cứ do các bên cung cấp; đối chiếu với hồ sơ xác minh, phân tích đúng sai của các bên tranh chấp; căn cứ các quy định của pháp luật có kết luận hướng giải quyết hoặc yêu cầu cơ quan chuyên môn tiếp tục thẩm tra, xác minh bổ sung các chứng cứ nội dung chưa được làm rõ.

b) Biên bản được lưu vào hồ sơ vụ việc tranh chấp.

8. Trường hợp phải đối thoại lần hai (đối thoại lại):

Trong trường hợp các bên tranh chấp đưa ra những lý lẽ, chứng cứ nhưng người chủ trì đối thoại chưa kết luận được mà phân công cơ quan tham mưu xác minh thêm thì vụ việc này phải được đối thoại lần hai.

9. Trường hợp người tranh chấp hoặc người bị tranh chấp nhận được giấy mời nhưng không đến tham dự đối thoại thì người có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai sẽ ban hành Quyết định giải quyết theo quy định.

Chương IV

XEM XÉT LẠI QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Điều 17. Xem xét lại quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Khi có yêu cầu, kiến nghị của các cơ quan có thẩm quyền hoặc cần tự xem xét lại quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã ban hành thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản giao cho cơ quan chuyên môn thẩm tra lại quyết định.

2. Khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giao thẩm tra lại quyết định giải quyết tranh chấp đất đai thì cơ quan chuyên môn được giao thẩm tra phải thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Quy định này.

3. Tổ chức thực hiện kết quả thẩm tra:

a) Nếu quyết định có những nội dung trái quy định pháp luật thì cơ quan thẩm tra đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện sửa đổi, bổ sung theo quy định;

b) Nếu quyết định đúng toàn bộ thì cơ quan thẩm tra trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành văn bản khẳng định quyết định đã giải quyết là đúng pháp luật và yêu cầu các cá nhân, tổ chức có liên quan nghiêm chỉnh thi hành.

Điều 18. Xem xét lại quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Khi có yêu cầu, kiến nghị của các cơ quan có thẩm quyền hoặc cần tự xem xét lại quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đã ban hành thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản giao cho cơ quan chuyên môn thẩm tra lại quyết định.

2. Khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao thẩm tra lại quyết định giải quyết tranh chấp đất đai thì cơ quan chuyên môn được giao thẩm tra phải thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo Quy định này.

3. Tổ chức thực hiện kết quả thẩm tra:

a) Nếu quyết định có những nội dung trái quy định pháp luật thì cơ quan thẩm tra đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung theo quy định;

b) Nếu quyết định đúng toàn bộ thì cơ quan thẩm tra trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản khẳng định quyết định đã giải quyết là đúng pháp luật và yêu cầu cá nhân, tổ chức có liên quan nghiêm chỉnh thi hành.

Chương V

GỬI, CÔNG BỐ CÔNG KHAI, THI HÀNH QUYẾT ĐỊNH GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI CÓ HIỆU LỰC PHÁP LUẬT, LẬP VÀ LƯU TRỮ HỒ SƠ

Điều 19. Công bố quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành

1. Chậm nhất trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày ban hành, quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành phải

được gửi đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện tổng đạt đến các bên tranh chấp.

2. Công khai quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền khi ban hành quyết định phải tổ chức niêm yết công khai quyết định tại Ban Tiếp công dân cùng cấp và tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp;

b) Việc niêm yết, công bố công khai phải được cơ quan nơi niêm yết, công bố công khai lập biên bản, trong đó ghi rõ ngày, tháng, năm niêm yết, công bố công khai; thời gian niêm yết, công bố công khai quyết định là 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày niêm yết.

Điều 20. Tổng đạt quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có nhiệm vụ chỉ đạo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp tổng đạt quyết định đến các bên tranh chấp, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

2. Thời hạn tổng đạt: Chậm nhất 07 (bảy) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định.

3. Việc tổng đạt quyết định đến với cá nhân, tổ chức và người phải thi hành được lập thành biên bản.

Trường hợp các bên không nhận quyết định thì phải lập biên bản có hai nhân chứng ký tên xác nhận. Biên bản này được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày.

Các văn bản có liên quan đến việc tổng đạt và niêm yết công khai quyết định phải được gửi về cơ quan tham mưu giải quyết tranh chấp đất đai để lưu trữ hồ sơ.

Điều 21. Nguyên tắc thi hành quyết định có hiệu lực pháp luật

1. Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành có hiệu lực pháp luật phải được các bên tranh chấp, cơ quan, tổ chức có liên quan nghiêm chỉnh chấp hành. Người có trách nhiệm thi hành quyết định có hiệu lực pháp luật mà không thi hành phải bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Việc tổ chức thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật phải gắn với công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục và thuyết phục tổ chức, cá nhân liên quan tự nguyện, tự giác chấp hành quyết định.

3. Tôn trọng sự thỏa thuận của các bên liên quan trong việc thực hiện quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu thỏa thuận đó không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Việc thỏa thuận thi hành quyết định được thực hiện ở bất kỳ giai đoạn nào của thời hạn thi hành quyết định.

4. Các bên tranh chấp có nghĩa vụ thi hành quyết định có hiệu lực pháp luật nếu cố ý không chấp hành thì bị cưỡng chế thi hành và phải chịu mọi chi phí cho việc tổ chức cưỡng chế đó. Các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định được áp dụng theo quy định của pháp luật.

5. Việc tạm hoãn thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật, chỉ thực hiện khi có văn bản tạm đình chỉ của người có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Điều 22. Hiệu lực thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai

1. Sau khi nhận được quyết định giải quyết tranh chấp đất đai lần đầu của người có thẩm quyền mà các bên hoặc một trong các bên tranh chấp không đồng ý với quyết định giải quyết thì phải gửi đơn đề nghị giải quyết tranh chấp lần hai đến người có thẩm quyền. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày hoặc 45 (bốn mươi lăm) ngày đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn kể từ ngày nhận được quyết định giải quyết tranh chấp đất đai lần đầu mà các bên hoặc một trong các bên tranh chấp không có đơn gửi người có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai lần hai thì quyết định giải quyết tranh chấp lần đầu có hiệu lực thi hành.

2. Sau 30 (ba mươi) ngày hoặc sau 45 (bốn mươi lăm) ngày đối với các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn kể từ ngày các bên tranh chấp, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nhận được quyết định giải quyết tranh chấp đất đai lần hai thì quyết định giải quyết tranh chấp đất đai lần hai có hiệu lực thi hành.

Điều 23. Trường hợp không chấp hành quyết định

Sau khi tổ chức thi hành quyết định, nếu các bên không tự thỏa thuận được hoặc bên phải thi hành quyết định không chấp hành, thì người được giao nhiệm vụ thi hành quyết định báo cáo cho người có thẩm quyền ra quyết định để tổ chức cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

Chương VI
LƯU TRỮ, CUNG CẤP HỒ SƠ
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI

Điều 24. Lưu trữ hồ sơ giải quyết tranh chấp đất đai

1. Cơ quan tham mưu giải quyết có trách nhiệm xác minh giúp người giải quyết tranh chấp đất đai lập hồ sơ giải quyết tranh chấp đất đai:

a) Phòng Tài nguyên và Môi trường thiết lập 01 bộ hồ sơ tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền cấp huyện gồm:

- Đơn tranh chấp và các giấy tờ có liên quan do người tranh chấp gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện (hoặc gửi phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện);
- Thông báo thụ lý về việc tranh chấp đất đai;
- Quyết định phân công xác minh nội dung tranh chấp đất đai;
- Biên bản hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã và các hồ sơ gốc do Ủy ban nhân dân cấp xã cung cấp hoặc chuyển đến, trong đó phải có thông báo hòa giải không thành hoặc thành;
- Biên bản hòa giải và các biên bản làm việc khác của cấp huyện;
- Các tài liệu liên quan đến nguồn gốc đất đai và quá trình sử dụng đất do các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp;
- Sơ đồ khu đất tranh chấp (nếu có);
- Bản báo cáo kết quả xác minh của người có trách nhiệm xác minh (ghi rõ kiến nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện);
- Biên bản kết luận và Biên bản đối thoại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Các tài liệu liên quan khác có liên quan đến khu đất có tranh chấp.

b) Sở Tài nguyên và Môi trường thiết lập 01 bộ hồ sơ tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền cấp tỉnh gồm:

- Đơn tranh chấp và các giấy tờ có liên quan do người tranh chấp gửi Ủy ban nhân dân tỉnh (hoặc gửi Sở Tài nguyên và Môi trường);
- Thông báo thụ lý về việc tranh chấp đất đai;

- Quyết định giao nhiệm vụ xác minh nội dung tranh chấp đất đai;
- 01 bộ hồ sơ tranh chấp đất đai của Trường phòng Tài nguyên và Môi trường thiết lập;
- Biên bản hòa giải và các biên bản làm việc khác của cấp tỉnh;
- Báo cáo kết quả xác minh của người có trách nhiệm xác minh (ghi rõ kiến nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường);
- Biên bản kết luận và đối thoại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Các tài liệu khác có liên quan đến tranh chấp do các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp.

2. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày ban hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, người có trách nhiệm xác minh hoàn thành việc sắp xếp, lập mục lục (bút lục hồ sơ theo quy định) và bàn giao hồ sơ cho bộ phận lưu trữ của cơ quan tham mưu giải quyết tranh chấp đất đai.

Điều 25. Giao, nhận, cung cấp hồ sơ giải quyết tranh chấp đất đai

1. Trường hợp chuyển giao hồ sơ giải quyết tranh chấp đất đai cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết phải được sao y.

2. Việc yêu cầu cung cấp hồ sơ giải quyết tranh chấp đất đai của các cơ quan có liên quan phải có giấy giới thiệu của người có thẩm quyền yêu cầu cung cấp. Khi cung cấp phải lập biên bản có chữ ký của người cung cấp, người được cung cấp và cơ quan cung cấp hồ sơ phải lập sổ sách theo dõi.

3. Việc bàn giao hồ sơ cho bộ phận lưu trữ thực hiện theo quy định.

4. Khi nhận được thông báo thụ lý đơn do Ban Tiếp công dân cấp huyện chuyển đến, trong thời hạn 03 (ba) ngày, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp có trách nhiệm chuyển toàn bộ hồ sơ hòa giải đến Phòng Tài nguyên và Môi trường để tham mưu giải quyết theo thẩm quyền quy định.

5. Khi nhận được thông báo thụ lý đơn do Ban Tiếp công dân tỉnh chuyển đến, trong thời hạn 03 (ba) ngày:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp có trách nhiệm chuyển toàn bộ hồ sơ hòa giải đến Sở Tài nguyên và Môi trường để tham mưu giải quyết theo thẩm quyền quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 5 Quy định này;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có đất tranh chấp có trách nhiệm

chuyển toàn bộ hồ sơ mà cấp huyện đã giải quyết đến Sở Tài nguyên và Môi trường để tham mưu giải quyết theo thẩm quyền quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 5 Quy định này.

6. Hồ sơ cung cấp cho Tòa án nhân dân là văn bản sao chụp có đóng dấu treo của cơ quan lưu giữ hồ sơ gốc. Việc cung cấp hồ sơ phải được thể hiện bằng biên bản giao nhận trong đó ghi rõ đầy đủ cụ thể thông tin, tên loại giấy tờ.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 26. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc giải quyết tranh chấp đất đai

1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận đơn và tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 6, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 13 và Điều 14 quy định này; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về đất đai trong quá trình giải quyết tranh chấp.

Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp xã không tổ chức hòa giải trong thời hạn quy định tại Điều 14 Quy định này thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét xử lý trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã với tư cách là người đứng đầu theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan gửi, niêm yết công khai quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.

2. Ban Tiếp công dân các cấp có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận đơn tranh chấp đất đai theo quy định.

3. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm tham mưu, đề xuất hướng giải quyết tranh chấp đất đai theo nhiệm vụ được giao.

4. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp:

a) Giải quyết tranh chấp đất đai; lãnh đạo, chỉ đạo việc giải quyết tranh chấp đất đai trong phạm vi cấp mình quản lý;

b) Chỉ đạo công chức, thành viên Ủy ban thuộc quyền quản lý của mình có trách nhiệm rà soát, cung cấp thông tin pháp lý thửa đất tranh chấp gồm: Sổ

mục kê, các giấy tờ về đất; kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật về đất đai trong quá trình giải quyết tranh chấp và báo cáo đề xuất biện pháp ngăn chặn, xử lý.

Điều 27. Điều khoản chuyển tiếp

Tranh chấp đất đai đã được thụ lý trước ngày Quy định này có hiệu lực mà chưa giải quyết xong thì những công việc giải quyết tiếp theo thực hiện theo Quy định này.

Điều 28. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm (theo định kỳ báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh) hoặc khi có yêu cầu báo cáo đột xuất, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo kết quả giải quyết tranh chấp đất đai theo địa bàn, lĩnh vực quản lý cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường).

2. Định kỳ hàng quý, 6 tháng, năm hoặc theo yêu cầu đột xuất của Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo kết quả giải quyết tranh chấp đất đai và đề xuất các giải pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác chỉ đạo, điều hành.

Điều 29. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn vướng mắc, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức, cá nhân có liên quan cần phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Vương Bình Thạnh

Phụ lục
CÁC BIỂU MẪU THỰC HIỆN
VIỆC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND
Ngày 09 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

Mã số	Mẫu biểu
Mẫu số 01	Đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai
Mẫu số 02	Phiếu trả đơn tranh chấp đất đai <i>(do không đủ điều kiện thụ lý)</i>
Mẫu số 03	Thông báo về việc không thụ lý đơn tranh chấp đất đai <i>(gửi cho cơ quan chuyên đơn biết)</i>
Mẫu số 04	Thông báo về việc thụ lý đơn tranh chấp đất đai <i>(gửi cho cơ quan chuyên đơn biết)</i>
Mẫu số 05	Thông báo về việc thụ lý giải quyết tranh chấp đất đai <i>(gửi cho đương sự biết)</i>
Mẫu số 06	Phiếu đề xuất xử lý đơn
Mẫu số 07	Quyết định giao nhiệm vụ xác minh
Mẫu số 08	Giấy mời
Mẫu số 09	Giấy mời <i>(trường hợp phải tổng đạt giấy mời)</i>
Mẫu số 10	Giấy ủy quyền tranh chấp đất đai
Mẫu số 11	Biên bản làm việc
Mẫu số 12	Văn bản về việc cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng
Mẫu số 13	Giấy biên nhận về việc tiếp nhận thông tin, tài liệu, bằng chứng
Mẫu số 14	Văn bản về việc trưng cầu giám định
Mẫu số 15	Báo cáo kết quả xác minh tranh chấp đất đai <i>(Trường đoàn, Cán bộ xác minh báo cáo)</i>
Mẫu số 16	Báo cáo kết quả xác minh tranh chấp đất đai <i>(Cơ quan tham mưu báo cáo)</i>
Mẫu số 17	Biên bản đối thoại
Mẫu số 18	Quyết định công nhận hòa giải thành <i>(cấp huyện)</i>
Mẫu số 19	Quyết định công nhận hòa giải thành <i>(cấp tỉnh)</i>
Mẫu số 20	Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai <i>(cấp huyện, cấp tỉnh giải quyết lần đầu)</i>
Mẫu số 21	Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai <i>(cấp tỉnh giải quyết lần hai)</i>
Mẫu số 22	Quyết định đình chỉ giải quyết tranh chấp
Mẫu số 23	Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai
Mẫu số 24	Thông báo kết quả hòa giải tranh chấp đất đai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ...thángnăm...

ĐƠN YÊU CẦU GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI

Kính gửi:.....(1).....

Họ và tên:.....(2).....

Địa chỉ:.....(3).....

Nội dung tranh chấp đất đai.....(4).....

.....
.....
.....
.....
.....

(Tài liệu, chứng cứ kèm theo - nếu có)

Người tranh chấp
(ký và ghi rõ họ tên)(5)

(1) Tên cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp;

(2) Họ tên của người tranh chấp nếu là đại diện cho cơ quan, tổ chức thì ghi rõ chức danh, tên cơ quan, tổ chức mà mình đại diện; nếu được ủy quyền thì phải ghi "đại diện theo ủy quyền và ghi rõ họ tên người ủy quyền";

(3) Ghi đầy đủ số nhà, tên đường, tổ, khóm, ấp, xã, phường, thị trấn, huyện, thị xã, thành phố, tỉnh.

(4) Ghi rõ các nội dung:

- Đất tranh chấp có diện tích...; tọa lạc: tổ, khóm, ấp, xã, phường, thị trấn, huyện, thị xã, thành phố, tỉnh.

- Thể hiện rõ nguồn gốc và quá trình sử dụng đất đối với diện tích (phần đất) hoặc thửa đất đang tranh chấp;

- Ghi tóm tắt sự việc dẫn đến tranh chấp;

- Kết quả hòa giải ở cấp xã, kết quả giải quyết cấp huyện (nếu cấp huyện đã giải quyết);

- Nội dung yêu cầu của người tranh chấp;

(5) Chữ ký (nếu không biết chữ thì phải lăn tay, điểm chỉ hai ngón trỏ phải và trái); trường hợp người làm đơn không biết chữ thì bên trái đơn phải thể hiện người viết đơn thay; nếu là đại diện cho cơ quan, tổ chức thì ghi rõ chức danh, ký tên, đóng dấu tên cơ quan, tổ chức mà mình đại diện; Người được ủy quyền không được làm đơn tranh chấp thay; trường hợp được ủy quyền tranh chấp thì phải ghi "đại diện theo ủy quyền, ghi rõ họ tên người ủy quyền", sau đó người được ủy quyền ký và ghi rõ họ tên

* **Ghi chú:** Về hình thức mẫu này không bắt buộc.

..... (1)

..... (2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...(3)...

....., ngày..... tháng..... năm ...

PHIẾU TRẢ ĐƠN TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI

Kính gửi:(4).....

Ngày....tháng....năm..., ...(2)...nhận được đơn tranh chấp của....(4)....

Địa chỉ:

Sau khi xem xét đơn tranh chấp đất đai, ...(5)...., căn cứ Điều Quy định ban hành kèm theo Quyết định số /201.../QĐ-UBND ngày / /201... của UBND tỉnh An Giang; ...(2).... trả lời đơn tranh chấp của ông (bà) không đủ điều kiện thụ lý giải quyết vì lý do sau đây:(6)....

.....(2)..... trả lại đơn đề...(4)... được biết./.

..... (7).....

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu...

(1) Tên cơ quan cấp trên;

(2) Tên cơ quan, đơn vị trả đơn;

(3) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị trả đơn;

(4) Họ tên người tranh chấp đất đai;

(5) Nêu yêu cầu đơn tranh chấp đất đai;

(6) Nêu lý do không thụ lý giải quyết, nếu có đủ căn cứ các văn bản pháp quy thì nêu rõ (Điều, Khoản,...);

(7) Chức danh của thủ trưởng cơ quan, đơn vị trả đơn.

* Ghi chú: Phiếu trả đơn tranh chấp đất đai do không đủ điều kiện thụ lý giải quyết.

..... (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

..... (2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-...(3)...

....., ngày... tháng...năm ...

THÔNG BÁO

Về việc không thụ lý đơn tranh chấp đất đai

Kính gửi: (4).....

Ngày....tháng....năm....., ...(2)... nhận được đơn tranh chấp của...(5)....

Địa chỉ: do (4)..... chuyển đến.

Căn cứ nội dung nội dung đơn tranh chấp đất đai, ...(6)...; Căn cứ Điều(7).....

...(2)... trả lời đơn tranh chấp đất đai của...(5)... không thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết vì các lý do sau đây...(8)...

...(2)... thông báo để...(4)... được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu...

* Đính kèm: đơn + tài liệu

..... (9).....

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(1) Tên cơ quan cấp trên;

(2) Tên cơ quan, đơn vị ký thông báo;

(3) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị gửi thông báo;

(4) Họ tên người chuyển đơn hoặc tên cơ quan, tổ chức chuyển đơn;

(5) Họ tên người tranh chấp;

(6) Nêu yêu cầu đơn tranh chấp;

(7) Phải trích dẫn các Điều, Khoản quy định của pháp luật đất đai;

(8) Nêu lý do không thụ lý giải quyết;

(9) Chức danh của thủ trưởng cơ quan, đơn vị ký thông báo.

* **Ghi chú:** Mẫu này, thông báo “không thụ lý” cho cơ quan cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chuyển đơn đến được biết.

..... (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

..... (2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-...(3)...

....., ngày tháng năm ...

THÔNG BÁO

Về việc thụ lý đơn tranh chấp đất đai

Kính gửi: (4)

Ngày tháng năm,(2)..... nhận được đơn tranh chấp của
....(5)....., địa chỉ: do (4)..... chuyển đến.

Sau khi xem xét nội dung đơn tranh chấp đất đai,.....(6)... ; theo quy định
của tại Điều(7)..... ;

.....(2) trả lời đơn tranh chấp đất đai của....(5).... thuộc thẩm quyền
giải quyết của....(2)..... và giao nhiệm vụ cho(9).....

.....(2) thông báo để..... (4)được biết.

..... (8).....

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
 - Thanh tra (cùng cấp);
 - Ban Tiếp công dân (cùng cấp);
 - Lưu ...
- Mã số hồ sơ

(1) Tên cơ quan cấp trên;

(2) Tên cơ quan, đơn vị ký thông báo;

(3) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị gửi thông báo;

(4) Họ tên người chuyển đơn hoặc tên cơ quan, tổ chức chuyển đơn;

(5) Họ tên người tranh chấp;

(6) Nêu yêu cầu đơn trạch chấp;

(7) Phải trích dẫn các Điều, Khoản quy định của pháp luật đất đai;

(8) Chức danh của thủ trưởng cơ quan, đơn vị ký thông báo;

(9) Cơ quan được phân công xác minh hoặc ngành Tài nguyên và Môi trường.

* **Ghi chú:** Mẫu này, thông báo “thụ lý” cho cơ quan cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền chuyển đơn đến được biết.

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

...(2)....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TB-.....(3)....

....., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO

Về việc thụ lý giải quyết tranh chấp đất đai

Kính gửi:

- (4).....;

Ngày ...tháng năm, ... (2) ... nhận được đơn của(4).....

Địa chỉ:.....

Tranh chấp.....(5).....

Sau khi xem xét nội dung đơn tranh chấp đất đai, căn cứ ... (6)..... ;

... (2)... nhận thấy đơn của ông (bà) đủ điều kiện thụ lý để giải quyết và giao nhiệm cho(7).... xác minh, tham mưu giải quyết.

.....(2).... thông báo để ông (bà) (4).... biết./

..... (8).....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thanh tra (cùng cấp);
- Cơ quan Tài nguyên và Môi trường (cùng cấp)
- UBND cấp huyện ... (nơi đã ban hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai);
- Người bị tranh chấp..
- UBND cấp xã... (nơi có đất tranh chấp);
- Lưu ...

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mã số hồ sơ: xx

(1) Trên cơ quan cấp trên;

(2) Tên cơ quan, đơn vị ký thông báo;

(3) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị gửi thông báo;

(4) Họ tên người tranh chấp;

(5) Tóm tắt sự việc tranh chấp.

(6) Phải trích dẫn các Điều, Khoản quy định của pháp luật về đất đai, giải quyết tranh chấp đất đai;

(7) Cơ quan được giao nhiệm vụ tham mưu giải quyết (VD: Phòng Tài nguyên và Môi trường);

(8) Chức danh của thủ trưởng cơ quan, đơn vị ký thông báo.

*** Ghi chú:**

- Mẫu này, thông báo “thụ lý” cho các bên tranh chấp đất đai được biết.

- Thông báo này chỉ cấp 01 lần.

- Khi đến liên hệ cơ quan ... (2)... để hỏi về tình trạng giải quyết đương sự xuất trình Thông báo này.

.....(1).....

.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

PHIẾU ĐỀ XUẤT XỬ LÝ ĐƠN

Kính gửi:

Ngày.....tháng.....năm....., ông, (bà): ...(Cán bộ đề xuất)... có nhận được đơn(loại đơn: tranh chấp, tố cáo, phản ánh, đề nghị)..... của ông (bà)(họ tên người tranh chấp, tố cáo hoặc phản ánh, đề nghị)....

Địa chỉ:

Tóm tắt nội dung đơn:

Đơn đã được(họ tên chức vụ của người có thẩm quyền giải quyết) giải quyết (đối với trường hợp đã giải quyết), UBND xã.....hòa giải không thành ngày...../...../.....

Căn cứ nội dung đơn và thẩm quyền giải quyết, đề xuất:

**PHÊ DUYỆT CỦA CẤP PHÒNG,
ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC (nếu có)**

CÁN BỘ ĐỀ XUẤT
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày tháng năm ...

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHÊ DUYỆT CỦA THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

Ngày tháng năm ...

(Ký, ghi rõ họ tên)

(1) Trên cơ quan cấp trên;

(2) Tên cơ quan, đơn vị xử lý đơn;

* Ghi chú: Mẫu này không phải là thủ tục bắt buộc;

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....(2).....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...(3)...

....., ngày... tháng...năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung tranh chấp đất đai

.....(4).....

Căn cứ(văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị ra quyết định);

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Quyết định số .../201.../QĐ-UBND ngày... tháng ... năm 201... của UBND tỉnh An Giang về việc ban hành quy định giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang;

Căn cứ Thông báo thụ lý giải quyết tranh chấp

Xét đề nghị của ...(đơn vị, cá nhân đề xuất tiến hành xác minh - nếu có),

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Giao ...(5)..., tiến hành xác minh làm rõ nội dung tranh chấp đất đai của ông (bà)..., sinh năm, ngụ Tranh chấp đất với ông (bà)..... Đất tranh chấp tọa lạc tại khóm (ấp)... xã (phường, thị trấn) thửa đất số...tờ bản đồ số... (nếu có)...đã được UBND xã...(6)...hòa giải không thành theo biên bản hòa giải ngày ...(hoặc đã được UBND ...(7)...giải quyết tại Quyết định số ... ngày tháng... năm....)

Thời gian xác minh, báo cáo kết quả xác minh không quá ngày...

Điều 2. Ông (bà)...(5)...chịu trách nhiệm trước(4)...trong việc xác minh nội dung đơn tranh chấp đất đai được phân công, thực hiện đúng quy định nghiệp vụ.

Điều 3. (8) và ông (bà)...(4)..... chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;

- Lưu:....

Mã số hồ sơ.

..... (4).....

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(1) Trên cơ quan cấp trên;

(2) Tên cơ quan, đơn vị ký quyết định;

(3) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị ký quyết định;

(4) Chức danh của người có thẩm quyền ban hành quyết định giao nhiệm vụ xác minh;

(5) Họ tên, chức danh, chức vụ người có trách nhiệm xác minh;

(6) Ghi rõ tên xã, phường, thị trấn;

(7) Ghi rõ trên huyện, thị xã, thành phố;

(8) Tên cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan;

Mẫu số 08

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... (1)

..... (1)

..... (2)

..... (2)

Số: /....(3)

Số: /....(3)

....., ngày tháng năm

GIẤY MỜI

GIẤY MỜI

Kính gửi: (4)

Kính mời ông (bà):

Để làm rõ nội dung tranh chấp đất đai, yêu cầu của người tranh chấp và hướng giải quyết tranh chấp,(2).... kính mời ông (bà) (4).....

.....
.....(4).....

Đúng.....giờ.....ngày.....tháng.....năm..... có mặt tại cơ quan ... (2)..., địa chỉ để gặp gỡ, ghi nhận thông tin, đối thoại về những nội dung sau:

Địa chỉ:

.....

.....

.....

.....

.....

Đúng giờ ngày tháng
..... năm có mặt tại (2)...

Đề nghị ông (bà) đến đúng thời gian, địa điểm nêu trên; khi đến mang theo giấy mời, giấy chứng minh nhân dân và các giấy tờ có liên quan.

Người tiếp

Người tiếp

.....(5).....

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(1) Trên cơ quan cấp trên;

(2) Tên cơ quan, đơn vị ký giấy mời;

(3) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị ký giấy mời;

(4) Họ tên người tranh chấp đất đai, người bị tranh chấp đất đai, người có quyền, lợi ích liên quan hoặc đại diện tổ chức chính trị - xã hội (nếu có).

(5) Chức danh của người có thẩm quyền ký giấy mời.

* **Ghi chú:** Giấy mời này không áp dụng cho trường hợp mời người làm chứng, người có liên quan việc cung cấp thông tin...

Mẫu số 09

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

....., ngày tháng năm

..... (1)
..... (2)

Số : /... (3)

GIẤY MỜI

Kính mời: ông (bà) (4)

Địa chỉ

Là người có liên quan trong vụ:

Đúng giờ ngày tháng năm có mặt tại (2)

Người tiếp

..... (7).....
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

..... (1)
..... (2)

Số : /... (3)

Kính gửi: UBND

Đề nghị tổng đạt giấy mời này đến ông (bà) (4)

Địa chỉ:

Và gửi lại cho (2) phần: lai này sau khi đương sự ký nhận.

Người tổng đạt

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nhận lúc giờ ngày /..... /.....

Người nhận:

(Ghi rõ họ tên và ký nhận)

* Trường hợp người nhận không nhận hoặc không ký tên thì người tổng đạt nhờ 02 nhân chứng ký xác nhận.

..... (1)
..... (2)

Số : /... (3)

GIẤY MỜI

Kính gửi: (4).

Địa chỉ:

Là (5) trong vụ

..... (6).

Đúng giờ ngày tháng năm 200 ...

Phải có mặt tại (2), địa chỉ

Yêu cầu ông (bà) đến đúng thời gian, địa điểm nêu trên, khi đến mang theo giấy mời, giấy chứng minh nhân dân và các giấy tờ có liên quan (nếu có).

Người tiếp:

..... (7).....
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

- (1) Trên cơ quan cấp trên;
- (2) Tên cơ quan, đơn vị ký giấy mời;
- (3) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị ký giấy mời;
- (4) Họ tên người tranh chấp đất đai, người bị tranh chấp đất đai, người có quyền lợi ích liên quan hoặc đại diện tổ chức chính trị - xã hội (nếu có);
- (5) Nguyên đơn, bị đơn hoặc người có quyền, lợi ích có liên quan;
- (6) Tóm tắt nội dung tranh chấp đất đai;
- (7) Chức danh của người có thẩm quyền ký giấy mời.

* Ghi chú:

- Giấy mời này áp dụng cho trường hợp phải tổng đạt.
- Giấy mời này không áp dụng cho trường hợp mời người làm chứng, người có liên quan là cán bộ, công chức, cán bộ về hưu, đại diện cơ quan tổ chức... Các đối tượng này phải dùng thư mời.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng.....năm

GIẤY ỦY QUYỀN

Họ và tên người ủy quyền:.....(1).....

Địa chỉ :.....(2).....

Số CMND:.....Cấp ngày....tháng....năm.....

Nơi cấp:.....

Họ và tên người được ủy quyền.....

Địa chỉ:.....

Số CMND:.....Cấp ngày....tháng....năm.....

Nơi cấp:.....

Nội dung ủy quyền:.....(3).....

Trong quá trình giải quyết tranh chấp đất đai, người được ủy quyền có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung ủy quyền./.

Xác nhận của UBND
xã, phường, thị trấn nơi
người ủy quyền cư trú
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Người được ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)

Người ủy quyền
(Ký và ghi rõ họ tên)

(1) Nếu người ủy quyền là người đại diện cho cơ quan, tổ chức ủy quyền cho người khác để tranh chấp đất đai thì phải ghi rõ chức vụ của người ủy quyền.

(2) Nơi người ủy quyền tranh chấp cư trú, trường hợp là cơ quan, tổ chức ủy quyền thì phải ghi rõ địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(3) Ủy quyền tranh chấp hay ủy quyền một số nội dung (Trường hợp ủy quyền một số nội dung thì phải ghi rõ nội dung ủy quyền), thời hạn ủy quyền...

***Ghi chú:** Mẫu này không phải là thủ tục bắt buộc về mặt hình thức, cơ quan nhận đơn căn cứ theo quy định tại Chương VII, Mục 12 Chương XVIII của Bộ Luật Dân sự để xử lý về việc nhận đơn.

.....(1).....
.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Vào hồi... giờ ... ngày ... tháng ... năm ..., tại(3)..... ;

Chúng tôi gồm:

1. Người có trách nhiệm xác minh:(4).....
2. Với sự tham gia: (nếu có).....(5).....
3. Người làm việc với:(6).....
4. Nội dung làm việc:(7).....
5. Kết quả làm việc:(8).....
6. Những nội dung khác có liên quan:(9).....

Buổi làm việc kết thúc vào hồi ... giờ ... phút cùng ngày (hoặc ngày .../.../...).

Biên bản này đã được đọc cho những người làm việc cùng nghe, mọi người nhất trí với nội dung biên bản và xác nhận dưới đây.

Biên bản được lập thành ... bản mỗi bên giữ 01 bản./.

**Người làm việc với người
có trách nhiệm xác minh**
.....(10).....

Người có trách nhiệm xác minh
(ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)

- (1) Cơ quan, tổ chức, đơn vị ban hành quyết định xác minh hoặc trực tiếp tiến hành xác minh.
- (2) Đoàn/Tổ xác minh được thành lập (nếu có).
- (3) Địa điểm làm việc.
- (4) Họ tên, chức danh của người có trách nhiệm xác minh;
- (5) Ghi rõ họ tên, chức danh của người tham dự xác minh (nếu có);
- (6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ, số điện thoại liên hệ (nếu có) của người làm việc với người có trách nhiệm xác minh như: người tranh chấp, người bị tranh chấp, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan.
- (7) Các nội dung làm việc cụ thể.
- (8) Kết quả làm việc đã đạt được, những nội dung đã thống nhất, những vấn đề còn có ý kiến khác nhau, đề xuất, kiến nghị của các bên tham gia buổi làm việc.
- (9) Những nội dung khác chưa được thể hiện ở (7), (8).
- (10) Chữ ký (ghi rõ họ tên) hoặc điểm chỉ của những người cùng làm việc. Trong trường hợp có người không ký thì trong biên bản phải ghi rõ và đề nghị người làm chứng ký vào biên bản.

.....(1).....

.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...

....., ngày ... tháng ... năm ...

V/v cung cấp thông tin, tài
liệu, bằng chứng

Kính gửi:(3).....

Ngày ... tháng ... năm ..., ... (4)... đã thụ lý giải quyết tranh chấp của (5).....
đối với (6).....

Theo quy định của pháp luật và để phục vụ việc giải quyết tranh chấp, ... (2)... đề
nghị... (3)... cung cấp cho ... (2)... những thông tin, tài liệu, bằng chứng sau đây:

..... (7).....

Đề nghị ... (3)... chuẩn bị đầy đủ những thông tin, tài liệu, bằng chứng nêu trên và
gửi cho ... (2)... trước ngày ... tháng ... năm ...

..... (8).....

Rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác của ... (3).../.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, hồ sơ.

**Người đứng đầu cơ quan, tổ chức,
đơn vị hoặc người có trách nhiệm
xác minh**

(ký, ghi rõ họ tên - đóng dấu nếu có)

(1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị gửi văn bản đề nghị cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng.

(3) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được đề nghị cung cấp thông tin, tài liệu, bằng chứng.

(4) Người giải quyết tranh chấp.

(5) họ tên, địa chỉ người tranh chấp (hoặc tên cơ quan, tổ chức tranh chấp).

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ người bị tranh chấp, việc tranh chấp đã được UBND (ghi rõ tên xã, phường, thị trấn hòa giải nhưng không thành) hoặc UBND (ghi rõ tên huyện, thị xã, thành phố đã giải quyết tại quyết định số...).

(7) Các yêu cầu đối với thông tin, tài liệu, bằng chứng đề nghị cung cấp.

(8) Địa chỉ nhận thông tin, tài liệu, bằng chứng hoặc người được giao trực tiếp nhận thông tin, tài liệu, bằng chứng.

.....(1).....

.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... (3) ...

GIẤY BIÊN NHẬN
Về việc tiếp nhận thông tin, tài liệu, bằng chứng

Vào hồi... giờ ... ngày ... tháng ... năm ..., tại(4).....

Bên nhận thông tin, tài liệu, bằng chứng:.....(5).....

Bên giao thông tin, tài liệu, bằng chứng:(6).....

Đã giao, nhận thông tin, tài liệu, bằng chứng sau đây:

1.(7).....

2.....

3.....

Giấy biên nhận này được lập thành ... bản, mỗi bên giữ 01 bản./.

Bên giao

*(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu
có)*

Bên nhận

*(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu
có)*

(1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận thông tin, tài liệu, bằng chứng.

(3) Ghi số trong trường hợp Giấy biên nhận được quản lý, theo dõi bằng số văn bản.

(4) Địa điểm giao, nhận thông tin, tài liệu, bằng chứng.

(5) Họ tên, chức danh, cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác của người nhận thông tin, tài liệu, bằng chứng.

(6) Họ tên, chức danh, cơ quan, tổ chức, đơn vị công tác hoặc địa chỉ của người giao thông tin, tài liệu, bằng chứng.

(7) Loại thông tin, vật mang tin, tên, số trang, tình trạng tài liệu, bằng chứng.

.....(1).....
.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...
V/v trung cầu giám định

....., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi:(3).....

Để có cơ sở cho việc giải quyết tranh chấp bảo đảm chính xác, khách quan,
.....(2)..... trung cầu giám định các thông tin, tài liệu, bằng chứng sau đây:
.....(4).....

Vậy đề nghị ... (3) ... tiến hành giám định và gửi kết quả cho ... (2) ... trước
ngày...tháng ... năm ...

.....(2)..... cử ông (bà)(5)..... trực tiếp bàn giao thông tin, tài liệu,
bằng chứng và nhận kết quả giám định.

Kính phí giám định (nếu phải chi trả) do(2)..... chi trả theo quy định.

Rất mong sự quan tâm, hợp tác của(3)...../.

**Người đứng đầu cơ quan,
tổ chức, đơn vị trung cầu giám
định**

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
-(5).....;
-(6).....;
- Lưu: VT, hồ sơ.

(1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị trung cầu giám định.

(3) Tên cơ quan, tổ chức được trung cầu giám định.

(4) Thông tin, tài liệu, bằng chứng đề nghị giám định và nội dung cần giám định.

(5) Họ tên, chức vụ, chức danh của người được cử bàn giao thông tin, tài liệu, bằng chứng, tiếp nhận kết quả giám định.

(6) Đơn vị, bộ phận quản lý tài chính của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị trung cầu giám định.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng....năm

BÁO CÁO

**Kết quả xác minh về việc tranh chấp đất đai
của ông (bà)**

Kính gửi: (1).....

Thực hiện Quyết định số...ngày...tháng...năm...của...(1)... về việc xác minh nội dung tranh chấp đất đai, từ ngày ... tháng... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ... (*ghi ngày theo quyết định về việc xác minh*), Đoàn xác minh (hoặc người có trách nhiệm xác minh) đã tiến hành xác minh nội dung tranh chấp của ông (bà)....., sinh năm, ngụ..... đối với...(tóm tắt nội dung và yêu cầu tranh chấp đất đai).

Sau đây là kết quả xác minh:

1. Kết quả xác minh:

*** Trường hợp giải quyết tranh chấp đất đai :**

Nêu nguồn gốc đất đai, quá trình sử dụng đất của các bên, nghĩa vụ trong quá trình sử dụng đất, nguyên nhân phát sinh tranh chấp (cần phân biệt rõ lời khai của các bên tranh chấp hay là kết quả đã được xác minh đối chất).

Kết quả hòa giải ở cơ sở (các lời khai quan trọng trở thành căn cứ giải quyết). Thông báo kết quả hòa giải không thành của UBND cấp xã: Quan điểm của UBND cấp xã.

Yêu cầu tranh chấp (Yêu cầu tranh chấp chỉ trong phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND).

Biên bản làm việc, đối chất (các lời khai quan trọng trở thành căn cứ giải quyết).

Biên bản đối thoại của Chủ tịch UBND cấp có thẩm quyền giải quyết. (2)

**** Trường hợp giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh tại Điều ... Quyết định số /201.../QĐ-UBND ngày / /201...:**

Nêu nguồn gốc đất đai, quá trình sử dụng đất của các bên, nghĩa vụ trong quá trình sử dụng đất, nguyên nhân phát sinh tranh chấp (cần phân biệt rõ lời khai của các bên tranh chấp hay là kết quả đã được xác minh đối chất).

Kết quả hòa giải ở cơ sở (các lời khai quan trọng trở thành căn cứ giải quyết). Thông báo kết quả hòa giải không thành của UBND cấp xã: Quan điểm của UBND cấp xã.

Yêu cầu tranh chấp.(Yêu cầu tranh chấp chỉ trong phạm vi thẩm quyền giải quyết của UBND)

Biên bản làm việc, đối chất (các lời khai quan trọng trở thành căn cứ giải quyết).

Biên bản đối thoại của Chủ tịch UBND cấp huyện.

Số quyết định, ngày, tháng, năm và nội dung cơ bản của quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.

Yêu cầu của việc giải quyết tranh chấp đất đai theo quy định tại Điều ... Quyết định số /201.../QĐ-UBND ngày /201... (yêu cầu chỉ trong phạm vi quyết định giải quyết tranh chấp đất đai).

Biên bản làm việc với cơ quan, người có trách nhiệm xác minh (những biên bản quan trọng làm cơ sở cho việc giải quyết).

Biên bản đối thoại của Chủ tịch UBND tỉnh. (2)

Kết luận:

** Trường hợp giải quyết tranh chấp đất đai: Phân tích sự việc và căn cứ pháp luật dẫn đến kết luận đề xuất giải quyết.*

*** Trường hợp giải quyết tranh chấp đất đai Điều ... Quyết định số /201.../QĐ-UBND ngày /201...: Các căn cứ pháp lý bác đơn tranh chấp hoặc chấp nhận đơn tranh chấp của đương sự.*

Xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân liên quan đến từng nội dung tranh chấp nêu trên (nếu có).

Ý kiến xử lý về nội dung tranh chấp ngoài quyết định giải quyết tranh chấp đất đai (nếu có).

2. Kiến nghị:

** Trường hợp giải quyết tranh chấp đất đai: Hình thức và nội dung giải quyết (công nhận, giữ nguyên hiện trạng – theo bản đồ đo đạc ngàycủa ..., bác yêu cầu tranh chấp ...).*

*** Trường hợp giải quyết tranh chấp đất đai Điều ... Quyết định số /201.../QĐ-UBND ngày /201... phải :*

- Kết luận nội dung tranh chấp là đúng, đúng một phần hoặc sai toàn bộ.

- Trong trường hợp nội dung tranh chấp là đúng hoặc đúng một phần thì yêu cầu người có quyết định giải quyết tranh chấp đất đai bị khiếu nại sửa đổi, hủy bỏ một phần hay toàn bộ quyết định giải quyết tranh chấp đất đai bị khiếu nại.

- Nếu nội dung tranh chấp là sai toàn bộ thì giữ nguyên nội dung quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số... ngày ... của... ; bác yêu cầu tranh chấp của ông (bà)....

Trên đây là báo cáo kết quả xác minh nội dung tranh chấp, người có trách nhiệm xác minh báo cáo để(1) xem xét, kết luận./.

Nơi nhận:

- (1);
- Lưu hồ sơ số:

Trưởng đoàn hoặc Người có trách nhiệm xác minh
(Ký, ghi rõ họ tên)

Báo cáo này:

- Thông qua(ghi rõ tên tổ chức, đơn vị được thông qua, ngày tháng năm thông qua và kết quả, kết luận của việc thông qua) ...;

- Thông qua(ghi rõ tên tổ chức, đơn vị được thông qua, ngày tháng năm thông qua và kết quả, kết luận của việc thông qua) ...;

Duyệt của (Ghi rõ chức danh của người có thẩm quyền ban hành quyết định giao nhiệm vụ xác minh)
(Ký tên và đóng dấu)

.....(1).....
.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....(3)....., ngày... tháng... năm ...

BÁO CÁO

Kết quả xác minh nội dung tranh chấp đất đai

Kính gửi:(4).....

Thực hiện (văn bản của cơ quan có thẩm quyền về việc phân công cơ quan thụ lý, xác minh đơn tranh chấp đất đai), ... (2).. đã tiến hành xác minh nội dung tranh chấp đất đai của ông (bà)..... (họ tên, năm sinh, địa chỉ người đứng đơn tranh chấp) đối với (5)... về (tóm tắt nội dung tranh chấp).

Hoặc: ... (2)... đã phân công xác minh nội dung tranh chấp đất đai của(cá nhân hoặc tổ chức) đối với(cá nhân hoặc tổ chức).

Sau đây là kết quả xác minh:

1. Kết quả xác minh:

(Tuong tự theo mẫu số 15 ban hành kèm theo Quyết định này).

Kết luận:

Kết luận từng nội dung tranh chấp là đúng, đúng một phần hoặc sai toàn bộ;

Phân tích sự việc dẫn đến kết luận đề xuất giải quyết.

2. Kiến nghị:

Hình thức và nội dung giải quyết.

Trên đây là báo cáo kết quả xác minh nội dung tranh chấp đất đai, (2)... báo cáo đề(4) xem xét, kết luận./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:.....

Số hồ sơ:

..... (6).....

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(1) Trên cơ quan cấp trên;

(2) Tên cơ quan được phân công thụ lý vụ việc;

(3) Chữ viết tắt tên cơ quan, đơn vị được phân công thụ lý vụ việc;

(4) Chức danh của người có thẩm quyền phân công thụ lý vụ việc;

(5) Họ tên cá nhân, tổ chức bị tranh chấp;

(6) Thủ trưởng cơ quan được phân công thụ lý vụ việc.

*Ghi chú: Báo cáo của cơ quan (2).

.....(1)....
.....(2)....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Về việc gặp gỡ, đối thoại

Hôm nay, lúc....giờ.....ngày.....tháng.....nămtại.....

I. Thành phần tham gia đối thoại:

1. Người giải quyết tranh chấp đất đai:

Ông (bà).....chức vụ....., đơn vị.....

2. Đại diện các cơ quan cùng tham gia đối thoại (nếu có):

- Ông (bà).....chức vụ....., đơn vị.....

3. Người tranh chấp đất đai:

- Ông (bà).....chức vụ....., đơn vị..... (nếu là tổ chức).

- Ông (bà).....Số CMND.....ngày.....

Nơi cấp: . . .

Địa chỉ nơi ở hiện tại:(nếu là cá nhân).

4. Người bị tranh chấp đất đai: .

- Ông (bà).....chức vụ....., đơn vị..... (nếu là tổ chức).

- Ông (bà).....Số CMND.....ngày.....

Nơi cấp: . . .

Địa chỉ nơi ở hiện tại:(nếu là cá nhân).

5. Người có quyền, lợi ích liên quan (nếu có):

- Ông (bà).....chức vụ....., đơn vị..... (nếu là tổ chức).

- Ông (bà).....Số CMND.....ngày.....

Nơi cấp: . . .

Địa chỉ nơi ở hiện tại:(nếu là cá nhân).

6. Đại diện tổ chức chính trị - xã hội (nếu có) :

- Ông (bà).....chức vụ....., đơn vị.....

7. Ông (bà):....., sinh năm....., thường trú

Là:.....

(Khi cần thiết thì mời một số hộ cư trú lâu năm tại địa phương có hiểu biết nguồn gốc, quá trình tranh chấp đất đai).

II. Nội dung:

- Người giải quyết: *Nêu rõ lý do, giới thiệu thành phần tham dự đối thoại, tư cách tham dự của người tranh chấp, người bị tranh chấp và các cá nhân, tổ chức*

có liên quan. Công bố nội quy đối thoại, hướng dẫn các bên tham dự đối thoại, cách thức đối thoại để đảm bảo cuộc đối thoại có trật tự và hiệu quả.

- Cán bộ xác minh: Báo cáo kết quả xác minh vụ việc như sau:

.....(Ghi rõ vào biên bản nội dung xác minh vụ việc).

- Ý kiến phát biểu của người tranh chấp (*qua BCXM đúng - không, phản biện, tài liệu chứng minh, yêu cầu ...*):

- Ý kiến phát biểu của người bị tranh chấp (*qua BCXM đúng - không, phản biện, tài liệu chứng minh, yêu cầu ...*):

- Ý kiến phát biểu của những người tham gia đối thoại:.....

- Đối chất làm rõ các chi tiết về nguồn gốc đất đai, quá trình sử dụng đất ...

.....
- Ý kiến kết luận của người giải quyết:.....

(Ghi nhận nội dung: Qua ý kiến phát biểu và yêu cầu của người tranh chấp, người bị tranh chấp, các chứng cứ có trong hồ sơ, các ý kiến của những người tham gia đối thoại, người giải quyết tranh chấp kết luận: cơ sở của việc kết luận, trả lời từng điểm đúng, sai, .

Trong trường hợp người giải quyết tranh chấp có chỉ đạo xác minh thêm thì sau đó vụ việc phải được đối thoại lại).

Việc đối thoại kết thúc lúc.....giờ....ngàythángnăm.....

Biên bản về việc gặp gỡ, đối thoại đã được đọc lại cho những người tham dự cùng nghe và ký xác nhận; biên bản được lập thànhbản, người tranh chấp đất đai, người bị tranh chấp đất đai và người có quyền, lợi ích liên quan tham gia đối thoại (*nếu có*) mỗi bên giữ 01 bản./.

Các bên tranh chấp đất đai

(ký, ghi rõ họ tên)

Người ghi biên bản

(ký, ghi rõ họ tên)

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan (nếu có)

(ký, ghi rõ họ tên)

Người có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(1) Tên cơ quan cấp trên của cơ quan;

(2) Tên cơ quan, đơn vị được phân công thụ lý vụ việc;

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....(1).....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-UBND

..., ngày..... tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận hòa giải thành

CHỦ TỊCH UBND (...1...)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai;

Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ Sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số .../201.../QĐ-UBND ngày...tháng...năm 201... của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang;

Xét Báo cáo số/BC-UBND ngày...../...../..... của UBND xã, phường, thị trấn trên cơ sở Biên bản hoà giải ngày...../...../..... của UBND xã, phường, thị trấn giữa ông/bà.....với ông/bà.....về việc các đương sự tự nguyện thoả thuận với nhau giải quyết tranh chấp đất đai và Bản trích đo, bản đồ hiện trạng khu đất do (cơ quan đơn vị...) lập ngày.... tháng... năm..... (nếu có).

Xét về nội dung tranh chấp: Ngày.../.../... Hội đồng Hòa giải xã, phường, thị trấn.....đã tổ chức mời ông/bà.....đến để hòa giải. Qua phân tích, giải thích pháp luật, các bên thông nhất như sau:.....

.....
.....
UBND xã, phường, thị trấn đã tổ chức cắm mốc theo sự thoả thuận giữa các bên xong (đính kèm Biên bản ngày...../...../..... của.....)

Xét thấy sự thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện hoà giải thành ngày...tháng...nămlà hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật. Đã hết thời hạn mười ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

Từ những cơ sở trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận sự hòa giải thành của giữa:

Ông/bà....., địa chỉ:.....

với ông/bà.....địa chỉ:.....

và các đương sự:.....địa chỉ:.....

Với nội dung:
Phần đất diện tích:.....thửa số:.....tờ bản đồ:.....đất
tọa lạc:.....

Điều 2. Giao Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường (*ghi rõ nội dung giao, "VD: trình Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố công nhận việc thay đổi ranh giới thửa đất và cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật"*).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Chánh Thanh tra, Thủ trưởng các phòng, ban, ngành huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân (*ghi tên xã, phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp*) và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị khiếu nại, khởi kiện theo của Luật Khiếu nại và Luật Tố tụng chính./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - UBND tỉnh (thay báo cáo);
 - TT. HĐND ... (1)..(báo cáo);
 - UBND ... (1)..
 - Ban Tiếp Công dân;
 - Phòng Tài nguyên và Môi trường
 - Lưu VT (QĐ-KN).
- Số hồ sơ :xx

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(1) Ghi rõ tên huyện, thị xã, thành phố ban hành quyết định)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-UBND

....., ngày..... tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận hòa giải thành

CHỦ TỊCH UBND TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai;

Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ Sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số .../201.../QĐ-UBND ngày...tháng...năm 201... của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang;

Xét Báo cáo số/BC-STNMT ngày.../...../..... của Sở Tài nguyên và Môi trường trên cơ sở Biên bản hoà giải ngày.../...../..... của UBND...(ghi tên xã, phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp) ...giữa ông/bà.....vớivề việc các bên tự nguyện thoả thuận với nhau giải quyết tranh chấp đất đai và Bản trích đo, bản đồ hiện trạng khu đất do (cơ quan đơn vị...) lập ngày.... tháng... năm..... (nếu có).

Xét về nội dung tranh chấp: Ngày.../.../... Hội đồng Hòa giải xã, phường, thị trấn (.....đã tổ chức mờiđến để hòa giải. Qua phân tích, giải thích pháp luật, các bên thông nhất như sau:

.....
UBND ...(ghi tên xã, phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp) ... đã tổ chức cắm mốc theo sự thoả thuận giữa các bên xong (đính kèm Biên bản ngày.../...../..... của.....)

Xét thấy sự thoả thuận của các bên được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện hoà giải thành ngày....tháng...nămlà hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn mười ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện hoà giải thành, không có bên nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

Từ những cơ sở trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận sự hòa giải thành của giữa:

Ông/bà....., địa chỉ:.....với ông/bà địa chỉ:.....
và các đương sự:..... địa chỉ:.....

Với nội dung:

Phần đất diện tích:.....thửa số:.....tờ bản đồ:.....đất tọa
lạc:.....

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (*ghi rõ nội dung giao, “VD: trình Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận việc thay đổi ranh giới thửa đất và cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật”*).

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chánh Thanh tra tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân ... (*ghi tên huyện, thị xã, thành phố nơi có đất tranh chấp*)..., Chủ tịch UBND ... (*ghi tên xã, phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp*)... và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị khiếu nại, khởi kiện theo quy định của Luật Khiếu nại và Luật Tố tụng chính./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - TT. HĐND tỉnh (báo cáo);
 - UBND tỉnh;
 - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
 - Sở Tài nguyên và Môi trường (02b)
 - Ban Tiếp Công dân tỉnh;
 - Lưu VT (QB-KN).
- Số hồ sơ :xx

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
.....
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND , ngày... tháng ...năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giải quyết tranh chấp đất đai của ông (bà)
(hoặc tổ chức).....

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đất đai số ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai;

Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ Sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số .../201.../QĐ-UBND ngày...tháng...năm 201... của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang;

Xét đơn tranh chấp đất đai ngày...tháng...năm... của ông (bà).... địa chỉ:; tranh chấp(diện tích - nếu có) đất (loại đất).....,

Kết quả xác minh:

(Như báo cáo kết quả xác minh nhưng có lược bớt nội dung).

Nêu nguồn gốc đất đai, quá trình sử dụng đất của các bên, nghĩa vụ trong quá trình sử dụng đất, nguyên nhân phát sinh tranh chấp (cần phân biệt rõ lời khai của các bên tranh chấp hay là kết quả đã được xác minh đối chất).

Kết quả hòa giải ở cơ sở (các lời khai quan trọng trở thành căn cứ giải quyết). Thông báo kết quả hòa giải không thành của UBND cấp xã: Quan điểm của UBND cấp xã.

Yêu cầu tranh chấp.

Biên bản làm việc, đối chất (các lời khai quan trọng trở thành căn cứ giải quyết).

Biên bản đối thoại của Chủ tịch UBND (người có thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai).

Căn cứ kết luận của.....(người kết luận) tại Biên bản họp xét giải quyết khiếu nại số.....ngày...tháng...năm.....(nếu kết luận của Thường trực UBND ... hoặc của Đoàn công tác cấp); hoặc Xét Biên bản họp xét giải quyết khiếu nại của(nếu là kết luận của Tổ tư vấn) hoặc xét đề nghị của (cơ quan được phân công thụ lý) tại Tờ trình số.....;

Căn cứ pháp luật để giải quyết (nêu cụ thể Điểm, Khoản, Điều của Nghị định, Luật để áp dụng giải quyết)

Kết luận:

Phân tích sự việc và căn cứ pháp luật dẫn đến kết luận đề xuất giải quyết.

Ý kiến về nội dung tranh chấp đất đai ngoài thẩm quyền giải quyết của UBND (nếu có).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. *Nêu cụ thể nội dung giải quyết..(1).*

Điều 2. Giao trách nhiệm cho Chủ tịch UBND ...(ghi rõ tên xã, phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp) ... giao quyết định này trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định và niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã (hoặc phường, thị trấn) trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày niêm yết.

Trong thời hạn ..(2)..., kể từ ngày nhận được quyết định này, nếu không đồng ý với quyết định giải quyết tranh chấp, ông (bà)có quyền ...(3)... (hoặc ...(4)...), nơi nộp đơn

Hoặc khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND, Thủ trưởng cơ quan Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan ban ngành có liên quan, Chánh Thanh tra cùng cấp, Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấn,..... (*họ tên các bên tranh chấp*) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - TT. UBND(báo cáo);
 - UBND (báo cáo);
 - Bộ Tài nguyên và Môi trường (tỉnh giải quyết);
 - Sở Tài nguyên và Môi trường (huyện giải quyết);
 - Ban Tiếp Công dân;
 - Lưu VT (QĐ-KN).
- Số hồ sơ :xx

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(1) Lưu ý: Nội dung quyết định, ngoài những căn cứ Điều, Khoản mà pháp luật quy định thì cần thể hiện những yếu tố khác có liên quan để đảm bảo cho việc thi hành được thuận tiện, VD: - "Giữ nguyên hiện trạng sử dụng đất cho ai ? kích thước ? diện tích ?, đồng, tây, tứ cận giáp ai ? đất tọa lạc tại đâu ? (kèm theo sơ đồ hiện trạng sử dụng đất hoặc sơ đồ khu đất... do cơ quan, đơn vị nào lập ? lập ngày tháng năm nào?...) và chính thức được công nhận khi làm thủ tục xin cấp quyền sử dụng đất theo quy định...; - Các yêu cầu tranh chấp đất của ai ? địa chỉ thường trú ở đâu....

(2) Thời hạn 30 ngày hoặc 45 ngày, phải căn cứ vào Khoản 1 Điều 22 của Quy định này để áp dụng.

(3) Gửi đơn đề nghị giải quyết tranh chấp lần hai đến Chủ tịch UBND tỉnh (đối với trường hợp Chủ tịch UBND cấp huyện là người giải quyết tranh chấp lần đầu);

(4) Gửi đơn đề nghị giải quyết tranh chấp lần hai đến Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (đối với trường hợp Chủ tịch UBND tỉnh là người giải quyết tranh chấp lần đầu);

*Ghi chú: Mẫu này sử dụng đối với thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 5 quy định này.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

An Giang, ngày.....tháng.....năm

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giải quyết tranh chấp đất đai
của ông/bà

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số .../201.../QĐ-UBND ngày...tháng...năm 201... của UBND tỉnh về việc ban hành quy định giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh An Giang;

Xét đơn tranh chấp đất đai ngày....tháng....năm.... của ông/bà (hoặc tổ chức) địa chỉ:; tranh chấp (diện tích nếu có) đất (loại đất)... đối với (hoặc tổ chức),

Kết quả thẩm tra, xác minh:

(Như báo cáo kết quả xác minh nhưng có lược bớt các nội dung)

Nêu nguồn gốc đất đai, quá trình sử dụng đất của các bên, nghĩa vụ trong quá trình sử dụng đất, nguyên nhân phát sinh tranh chấp (cần phân biệt rõ lời khai của các bên tranh chấp hay là kết quả đã được xác minh đối chất).

Kết quả hòa giải ở cơ sở (các lời khai quan trọng trở thành căn cứ giải quyết). Thông báo kết quả hòa giải không thành của UBND cấp xã: Quan điểm của UBND cấp xã.

Yêu cầu tranh chấp.

Các biên bản làm việc của ... cơ quan được phân công thụ lý (các lời khai quan trọng trở thành căn cứ giải quyết).

Nội dung biên bản đối thoại của Chủ tịch UBND cấp huyện (nêu rõ các căn cứ để tranh chấp của đương sự, yêu cầu của đương sự, việc kết luận của Chủ tịch UBND cấp huyện).

Nêu rõ số quyết định, ngày, tháng, năm của quyết định và nội dung quyết định giải quyết tranh chấp của UBND huyện.

Yêu cầu tranh chấp, khi khiếu nại lên tỉnh.

Căn cứ kết luận của.....(người kết luận) tại Biên bản họp xét giải quyết tranh chấp số.....ngày.../.../.....(nếu kết luận của Thường trực UBND tỉnh hoặc của Đoàn công tác cấp tỉnh); hoặc Xét Biên bản họp xét giải quyết tranh chấp của(nếu là kết luận của Tổ tư vấn) hoặc xét đề nghị của cơ quan được phân công thụ lý tại Tờ trình số.....;

Kết luận:

Phân tích sự việc và căn cứ pháp luật dẫn đến kết luận đề xuất giải quyết.

** Trường hợp nội dung quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện không phù hợp: Trước khi đưa ra kết luận cần phân tích những điểm sai như việc áp dụng các điều khoản của pháp luật, dẫn giải các biên bản không đúng, lý luận một chiều như căn cứ lời khai của một bên, không xem xét phân tích đúng các mặt của sự việc tranh chấp... từ đó đưa đến kết luận không phù hợp. (Chỉ nêu một số nội dung cơ bản theo Bản báo cáo kết quả xác minh).*

Ý kiến xử lý về nội dung tranh chấp đất đai ngoài thẩm quyền giải quyết của UBND hay ngoài nội dung quyết định giải quyết tranh chấp của Ủy ban nhân dân cấp huyện (nếu có).

Phải đưa ra các căn cứ để kết luận;

Căn cứ pháp luật để giải quyết (nêu cụ thể Điểm, Khoản, Điều của Nghị định, Luật để áp dụng giải quyết)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nội dung tuyên của quyết định giải quyết tranh chấp đất đai phải tuân thủ:

a) Trong trường hợp nội dung tranh chấp là đúng hoặc đúng một phần thì yêu cầu Chủ tịch UBND cấp huyện (nơi ban hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai theo thẩm quyền bị khiếu nại) phải sửa đổi, hủy bỏ một phần hay toàn bộ Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số ngày của bị khiếu nại hoặc ghi cụ thể những nội dung yêu cầu sửa đổi;

b. Nếu nội dung tranh chấp là sai toàn bộ và quyết định giải quyết tranh chấp đất đai là đúng thì ghi:

- Công nhận và giữ nguyên nội dung quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.

- Bác yêu cầu tranh chấp của ông/bà

- Các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan nghiêm chỉnh thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.

Điều 2. *Quyết định giải quyết các vấn đề trong nội dung tranh chấp đúng hoặc đúng một phần (nếu có).*

Khôi phục quyền, lợi ích hợp pháp của người tranh chấp và người có quyền, lợi ích liên quan (nếu có);

Bồi thường thiệt hại cho người bị thiệt hại (nếu có).

Điều 3. Đây là quyết định giải quyết tranh chấp đất đai lần hai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Giao trách nhiệm cho Chủ tịch UBND xã (hoặc phường, thị trấn) tổng đạt quyết định này trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được quyết định và niêm yết công khai tại trụ sở UBND xã (hoặc phường, thị trấn) trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày niêm yết.

Trong thời hạn ..(1)..., kể từ ngày nhận được quyết định này thì quyết định giải quyết tranh chấp đất đai này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chánh Thanh tra tỉnh, Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố....., Chủ tịch UBND xã, phường, thị trấnvà ông (bà) chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
 - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
 - TT. HĐND tỉnh;
 - Ban Tiếp Công dân của tỉnh;
 - Lưu VT (QĐ-KN).
- Số hồ sơ

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(1) Thời hạn 30 ngày hoặc 45 ngày, phải căn cứ vào Khoản 2 Điều 22 của Quy định này để áp dụng.

.....(1).....
.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../QĐ-.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc đình chỉ giải quyết tranh chấp đất đai

.....(3).....

Căn cứ Luật khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;
Căn cứ Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại;
Căn cứ Thông tư số .../2013/TT-TTCT ngày ... tháng ... năm 2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính;
Căn cứ đơn xin rút tranh chấp của người tranh chấp (nếu có);
Xét đề nghị của(4)..... ,
Căn cứ pháp luật để giải quyết (nếu cụ thể Điểm, Khoản, Điều của Nghị định, Luật để áp dụng giải quyết)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đình chỉ giải quyết tranh chấp đất đai của ông (bà)

.....(5)..... ,
Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp:(6).....
Địa chỉ:.....
Tranh chấp đất đai ...(7)... và đã được thụ lý ngày... tháng ... năm ...
Lý do đình chỉ:(8).....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Điều 3. ...(5)..., và ...(9)... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Người ra quyết định đình chỉ giải quyết
tranh chấp**

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, hồ sơ.

- (1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp (nếu có).
(2) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị ban hành quyết định đình chỉ giải quyết tranh chấp.
(3) Chức danh của người ban hành quyết định đình chỉ giải quyết tranh chấp.
(4) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân đề xuất ban hành quyết định đình chỉ giải quyết tranh chấp.
(5) Họ tên người tranh chấp (hoặc tên cơ quan, tổ chức tranh chấp).
(6) Nếu người tranh chấp không có CMND/Hộ chiếu thì ghi các thông tin theo giấy tờ tùy thân.
(7) Tóm tắt nội dung tranh chấp.
(8) Nêu rõ lý do của việc đình chỉ giải quyết tranh chấp.
(9) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có trách nhiệm thi hành quyết định đình chỉ giải quyết tranh chấp.

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....(1).....

Mẫu số 23
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
....., ngày.....tháng.....năm.....

BIÊN BẢN HÒA GIẢI TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI

Hồi.....giờ.....phút ngày.....tháng.....năm.....

Tại: Trụ sở Ủy ban nhân dân.....(1).....

Tiến hành cuộc họp hòa giải tranh chấp đất đai(2).....

Thành phần gồm có:

1. Hội đồng Hòa giải gồm:

- Ông (Bà).....- Chủ tịch Hội đồng hòa giải.
- Ông (Bà)- Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc....(1)....;
- Ông (Bà)(3).....
- Ông (Bà)- Đại diện của một số hộ dân sinh sống lâu đời tại...(4).....
- Ông (Bà)- Cán bộ tư pháp(1).....
- Ông (Bà)- Cán bộ địa chính(1).....
- Ông (Bà)- Đại diện Hội Nông dân(1)... (nếu có mời)
- Ông (Bà)- Đại diện Hội Phụ nữ(1)... (nếu có mời)
- Ông (Bà)- Đại diện Cựu chiến binh(1)... (nếu có mời)
- Ông (Bà)- Đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh....(1)...(nếu có mời)

2. Các bên tranh chấp:

Ông (Bà):.....

Địa chỉ:.....

Ông (Bà):.....

Địa chỉ:.....

Nội dung buổi hòa giải (Diễn biến cuộc họp và ý kiến các bên; những nội dung cần thể hiện):

- Nội dung trình bày và yêu cầu của các bên tranh chấp;
- Những loại giấy tờ có liên quan do các bên tranh chấp cung cấp;

Kết luận của chủ tịch hội đồng hòa giải:.....

Biên bản cuộc họp kết thúc hồi.....giờ.....phút cùng ngày, được lập thành 03 bản, gửi 02 bên tranh chấp, mỗi bên 01 bản, UBND xã, phường, thị trấn01 bản và được các bên nhất trí cùng ký tên dưới đây.

ỦY BAN MTTQ

THƯ KÝ CUỘC HỌP

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP

TM. UBND.....

CB ĐỊA CHÍNH

CB TƯ PHÁP

TRƯỞNG THÔN

CÁC BÊN TRANH CHẤP:

CÁC THÀNH PHẦN KHÁC:

1- Ghi tên xã, phường, thị trấn;

2- Ghi đầy đủ họ tên các bên tranh chấp;

3- Ghi rõ chức vụ và tên khóm, ấp. VD: Trưởng khóm B;

4- Ghi rõ tên khóm, ấp.

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO KẾT QUẢ HÒA GIẢI TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI
.....(2).....

Ngày.....tháng.....năm.....(1).... tiến hành cuộc họp tổ chức hòa giải
tranh chấp đất đai.....(3)...

1. Nội dung buổi hòa giải (Diễn biến cuộc hòa giải, ý kiến các bên, kết quả
hòa giải):
(theo biên bản hòa giải)
.....
.....

2. Quan điểm giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã
Ủy ban nhân dân(1)..... thông báo kết quả hòa giải(2)....

Chủ tịch UBND(1)....
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

-
-
-
-
- Lưu: VT, hồ sơ.

1- Ghi tên xã, phường, thị trấn;
 2- Nếu hòa giải thành thì ghi "Hòa giải thành", nếu hòa giải không thành thì ghi "Hòa giải không thành";
 3- Ghi đầy đủ họ tên các bên tranh chấp;